Số 1 NĂM THỨ NHẤT 1er JUILLET 1926

安南雜誌

REVUE DE L'ANNAM

AN-NAM TẠP-CHÍ

Mỗi tháng ra hai kỳ

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
Nº 1288

CHỦ NHÂN
TẢN-ĐÀ NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

TÒA BÁO
HÀNG LỌNG GẦN GARE
50, Route Mandarine — HANOI

IMP. KIM-ĐỨC-GIANG
1926

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

MỤC-LỤC

1.—*Kính cáo Quốc-dân An-nam ta*
2.—*Mấy nhời rãi tỏ cùng các bạn đồng-bang*
3.—*Thử nghĩ về tiền-đồ nước Nam ta.*
4.—*Chức-trách của người có gia-đình.*
5.—*Việc tàm tang.*
6.—*Nghề nhuộm thâm ở xã Xuân-Cầu.*
7—*Nói về duyên cách của pháp-luật*
8.—*Một cách đo ruộng giản dị.*
9. *Nhời luận-thuyết giải về nghĩa thiên-lương.*
10. *Cuộc du-lãm về khu thứ nhất ở đường xe lửa Vinh -- Đông-hà.*
11.—*Hán-văn hàm thụ trích lục.*
12.—*Nhời thư của hai chị em gái nhà nghèo khuyên răn nhau.*
13. *Khuyên anh Giáo. - Vịnh cái cây bên đường phố Hanoi.*
14 —*Ngô-Việt xuân-thu (Tiểu-thuyết).*
15.—*Nghìn năm non Thúy ông Từ-Đạm (thời-sự)*

Giá mua tạp-chí và sự gửi phong-thư

Giá đồng-niên, **4$00**; Nửa năm, **2$20**; Mỗi số **0$20**.

Ngài nào có lòng yêu Bản-chí mà mua một năm, hoặc nửa năm, xin gửi giả tiền trước, giúp cho Bản-chí về công việc hành-động trong lúc ban đầu; Bản-chí sẽ xin gửi theo những số sau

Các phong-thư và mandat, xin gửi cho Bản-chí chủ-nhân *Nguyễn-Khắc-Hiếu* nhận lĩnh.

AN-NAM TẠP-CHÍ

DIRECTEUR-GÉRANT:
Nguyễn-Khắc Hiếu

AN - NAM TẠP - CHÍ

KÍNH CÁO QUỐC-DÂN AN-NAM TA

Gần nay, các việc vui buồn hay dở phát hiện luôn luôn ở bà kỳ, mà cảm-tình của quốc-dân ta ăn ở cùng nhau, như hoa như gấm, nhiều năm trước, đã như Giời mới mở lòng khai khiếu cho Việt-Nam. Cứ cái cảm-tình tốt đẹp ấy, giữ cái thái-độ êm đềm, [illegible] khai-hóa của Chánh-phủ; biết đâu nữa giang sơn Đại-Việt, không [illegible] ngặt cùng người. Tuy vậy mà một cảm-tình chưa đủ cậy để văn-minh; muốn văn-minh, tất phải quốc-dân có tư-cách. Nghĩ như tư-cách quốc-dân, thực chưa dễ nói; mà luân thường phong hóa, không thể coi khinh. Bản-chí nay ra đời, vì quốc-dân truyên giữ một việc đó. Bản-chí đối với các đoàn-thể cùng mọi người trong quốc-dân, thân sơ như nhất, vô ân vô thù. Ai là người có công về thế đạo nhân tâm, Bản-chí phải linh biểu bằng ngòi bút để làm khuyên cho kẻ khác, xin ai đừng có bận lòng ơn. Ai là người có tội với xã-hội nhân-quần, Bản-chí phải trừng trị bằng câu văn để làm răn cho kẻ khác, xin ai đừng có đem lòng oán. Cái thiên-chức của Bản-chí đã tự nhận như thế, thời phàm các đoàn-thể cùng mọi người trong quốc-dân, dẫu ai có đem lòng ân oán đối với Bản-chí, Bản-chí cũng chẳng nhận mà không dám từ. Chỉ mong sao cho **nhân tâm phong tục được thuần chính,** *cho* **đại đa số quốc-dân có tư cách,** *để cùng nhau học theo đường tri-thức, bước lên đài văn-minh. Ấy thời là Bản-chí đối với quốc-dân hết chức trách vậy.*

Ngoài một việc quang minh chính đại đó, như các việc **thực-nghiệp thường-thức** *đối với bình dân xã-hội, các việc* **văn-học triết-học** *đối với học-giới sĩ-lưu, cùng là những* **thời-sự trong ngoài,** *xin đắp-đổi trục kỳ có cống hiến các độc-giả. Bản-chí đối với quốc-dân ta, cảm tình vô hạn, kỳ vọng vô hạn, không thể biết nói sao cho xiết; nay xin chỉ có một câu rằng:* Người An-nam, báo An-nam.

AN-NAM TẠP-CHÍ.

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Mấy nhời rải tỏ cùng các bạn đồng-bang.

Nay tôi có mấy nhời thành khẩn, xin rải tỏ trước các bạn cùng nghiệp, các bạn đọc báo trong đồng bang ta.

Xưa từ khi tôi thôi việc báo Hữu-Thanh, là về khoảng tháng chạp năm Tân-dậu (Janvier 1922), các bạn đồng bang ở gần xa [illegible] lòng yêu mà có nhời thăm hỏi [illegible] khi ấy có giữ lại được một [illegible] của ông Vũ-quang-Long, làm việc ở Banque de l'Indochine ở Quảng-Đông gửi về. Trong thư của ông viết thời đài, nay lược đăng như dưới:

«Canton le 5 Février 1922

M. Nguyễn-khắc-Hiếu

Kính thư Nguyễn Tiên-sinh

Báo Hữu-Thanh ra đời, lấy hữu ái làm chủ-nghĩa. Tôi là người xem báo Hữu-Thanh, không biết bao nhiêu tình hữu ái và mối cảm-tình cùng báo Hữu-Thanh, mà nhất là Tiên-sinh là ông chủ bút Hữu-Thanh vậy.

. . . . . Từ khi Tiên-sinh ra văn với đời, ban đầu in ở Đông-Dương-tạp-chí; từ khi Đông-Dương-tạp-chí đình bản, thời Tiên-sinh lại xuất bản nhiều sách, mà những sách ấy toàn là những văn chương lỗi lạc, trí thức cao xa, dẫu đọc qua chưa hiểu hết nghĩa, mà nghe ra thời như xuân phong thoảng tới vậy.

Từ nghe Trung-Bắc-tân-văn đăng tin Tiên-sinh sắp ra làm chủ bút Hữu-Thanh, tấm lòng mừng rỡ khôn xiết kể. . . .

Không ngờ đâu Tạp-chí Hữu-Thanh ra đời chưa đầy một năm, mà nay Tiên-sinh đã vội rũ áo ra về, không tưởng đến xã-hội làm trọng, thời thật là Tiên-sinh vô tình quá lắm. *Hay là Tiên-sinh hãy còn đeo đẳng mối tư tưởng chán đời, mà cho thói đời là điêu bạc, nên không chịu bận lòng chăng? Điều ấy tôi không dám chắc. Đã hay rằng Tiên-sinh vì mẹ già ngoài tám mươi, lo không được gần gụi mà sớm khuya định tỉnh thần hôn. Nếu vậy, theo như luân thường thời Tiên-sinh là người con chí hiếu.* Đành vậy mà tôi e rằng phen này Tiên-sinh không khỏi lòng người nghị luận là Tiên-sinh không đởm nổi việc bảo Hữu-Thanh.

Riêng về phần tôi viết thơ này, thật không có ý gì khác, mà chỉ riêng mối cảm-tình cùng văn chương của Tiên-sinh, nên có đôi lời bầy tỏ. Mong rằng Tiên-sinh ra về phen này, sẽ làm trọn người con hiếu-tử, và sau này Tiên-sinh có nhiều thì giờ nhàn dỗi thời lại xuất bản nhiều sách hay.

. . . . . .

Kính thư

«Vũ-quang-Long»

Lúc ấy, tôi nhân đương việc nhà bối rối, cho nên không có thư giả nhời ông, và lại cũng không biết giả nhời ông thế nào cho là phải. Sang tháng ba năm sau, Gia-từ tạ thế; tôi từ đấy chỉ ở nhà theo về việc trước dịch, cũng mong được có nhiều sách xuất bản, để không phụ tấm lòng tốt của ông Vũ-quang-Long đã kỳ vọng cho. Song mà thường tình con người ta, nằm lâu thời nhớ dậy; lại từ ấy đến nay, trong khoảng bốn năm năm, những việc đời chái tai ngứa mắt cũng không ít; lại gần ít lâu nay, các việc hay dở phát sinh ra ở trong xã-hội, như gió như bão, khích động đến tâm-chào, khiến cho người dưới ngọn đèn xanh lại muốn dự một phần ngôn-trách trong báo-giới. Ngày mồng 9 tháng Décembre 1925, tôi đệ

đơn lên Chánh-phủ, xin phép ra Tạp-chí. Ngày 11 tháng Février 1926, được nghị-định của Chánh-phủ cho phép. Mấy tháng giời xếp đặt, đến nay mà tạp-chí mới ra được số đầu. Nay về sau, tôi xin đoan quyết rằng không dám lấy nhẽ gì lại từ việc như tôi ở Hữu-Thanh khi trước. Chỉ nghĩ như : tài học sơ, kiến văn hẹp, trong không được có tư bản như ai tiền vàn bạc mớ, ngoài không được có thế lực của một vị vương công tây nam nào, đơn hèn một kẻ thư-sinh mà đứng đỡm đương một tòa báo ; sao cho được có bổ ích đến luân thường phong hóa của quốc-dân xã-hội, thế tất phải có trông cậy ở cảm-tình trợ-lực của các bạn đồng bang. Vấn-vương còn lắm nợ ba sinh, ruột tằm tơ rối. Khắc-khoải thấu cùng ai bốn bể, tiếng quốc đêm trường. Dám mong các bạn đồng bang ta nghĩ đến nước An-Nam mà giúp cho báo An-Nam, thời phần riêng của tôi thực cũng được hàm ơn chẳng ít. Tấc gang giải tỏ, muôn vàn cậy mong.

Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu
bạch

Sông cái
chiếc thuyền nan

Thả chiếc thuyền nan bé tẻo heo,
Cũng buồm, cũng cột, cũng giây lèo.
Nghìn trùng sóng gió ba khoang nứa :
Bốn mặt non sông một mái chèo.
Những hẹn nước mây thu mấy độ.
Thử xem giời biển rộng bao nhiêu.
Con đường vô hạn vui chăng tá ?
Mà hỡi giòng sông tiếng nước reo ?

TẢN-ĐÀ.

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

社說

THỬ NGHĨ VỀ TIỀN-ĐỒ NƯỚC NAM TA

Hiện nay, khắp mọi người trong quốc-dân, ai nấy hẳn đều cũng muốn biết cái tiền-đồ của nước ta hay dở ra làm sao. Sự đó tuy không thể biết trước được cho dành, song thực cũng nên nghĩ tới vậy.

Tiền-đồ của nước nhà hay dở, trông ở hai phương-diện: một là phương-diện khai-hóa và một là phương-diện tiến-hóa. Phương-diện khai hóa thời do ở Chánh-phủ Đại-Pháp; phương-diện tiến-hóa thời trông ở quốc-dân. Về phương-diện khai-hóa thời ta chỉ cứ yên chi rằng Chánh-phủ hết lòng vì dân ta, dìu dắt cho mỗi ngày mỗi tới, để theo cùng các nước văn-minh; về phương-diện tiến-hóa mà do ở quốc-dân thời quốc-dân ta chính nên nghĩ ngợi cùng nhau vậy.

Một nước hay hay dở, trông ở quốc-dân; quốc-dân hay hay dở, xem ở tư-cách. Tư-cách của quốc-dân mà hay thời vận nước sau này sẽ được hay; tư-cách của quốc-dân mà dở thời vận nước sau này cũng sẽ được dở vậy. Trong quốc-dân, rất là nhiều hạng người, khó thể lấy nhất luật mà nói; nói cho phải thời phải lấy hạng sĩ phu làm đầu. Hạng sĩ phu, không cứ sĩ, thương, quân, dân, nam, phụ, lão, thiếu, phàm có học-vấn trí-thức, là hạng người ấy vậy. Hạng sĩ phu, tức thế-tục gọi là « thượng lưu xã-hội [1] », đối với toàn-thể quốc-dân, ví như cái toa đầu ở xe-lửa. Sự hay dở của nước nhà mai sau, trước trông ở tư-cách của một hạng người đó. Cứ sự-thế mà nghĩ thời như thế, cứ sự-thực mà xét thời tư-cách của một hạng người đó ra làm sao? Trong một hạng người, hay dở cũng rất là khác nhau, khó thể lấy nhất luật mà nói; nay cứ sự-thực mà xét về tư-cách riêng từng người một ra làm sao?

Người nhiệt tâm công danh mà lấy vợ cả, vợ lẽ, con gái, em gái để dùng làm cái mồi mua chuộc, có hay không?

---

(1) Cứ thế-tục gọi là *thượng lưu xã-hội* thời tất là người có thêm về phú quí, đây cũng là biết qua như thế mà thôi.

Người nhiệt tâm làm giầu mà ăn bớt tiền công kẻ phu thuê, bỏ chết mấy trăm mạng con người ở mạn ngược, có hay không?

Người nhiệt tâm ô my mà trái luật văn-minh, giữ lòng man giã mà xuất kẻ ngu-dân, qùi qùi lạy lạy, có hay không?

Người . . . .

Thôi chẳng qua, cũng là ta lại với ta, nói càng nhơ nhuốc sấu sa với người. Nếu những sự-thực ấy mà không có, thời tư-cách của một hạng người thượng-lưu xã-hội, hoặc có hi-vọng cho nước nhà; nếu những sự-thực ấy chẳng may mà có thực ra chăng, thời cái tư-cách của một hạng người thượng-lưu xã-hội đó cũng khó trông mong vậy. Tuy vậy, xin ai nấy trong quốc-dân, nghe đến những câu tôi nói đây mà chớ buồn. Vì là sao? Trong quốc-dân ta nay mà qủa có những người tư-cách như thế chăng, thời chẳng qua cũng chỉ là một số người rất ít, mà những người đó kể cũng đã như lá đã vàng, như cây đã cội, như hơi thu cỏ nội, lòng đợi tàn canh. Cái tư-cách sấu sa nhơ nhuốc mà quấy hôi lòi nhọ cho quốc-dân, chẳng bao lâu cũng sẽ theo những con người kia mà qua đời mãn kiếp vậy. Nay về sau, không dám biết ai là người trong thượng-lưu xã-hội; không cứ sĩ, thương, quân, dân, nam, phụ, lão, thiếu, phàm hơi có học-vấn trí-thức, đều nên nhận một phần chức-trách với quốc-dân. Nếu muốn nhận một phần chức-trách với quốc-dân trước hết tất phải có tư-cách; nếu muốn có tư-cách, tất phải lấy luân-thường phong-hóa làm trọng; nếu có lấy luân-thường phong-hóa làm trọng, thời rồi mới có cái tính-chất đạo-đức; nếu có cái tính-chất đạo-đức thời rồi những học-vấn trí-thức mới có thực-ích đến nhân-quần; học-vấn tri thức có thực-ích đến nhân-quần mà quốc-dân xã-hội mới có trông mong vậy. Nay xin có một nhời minh quyết thưa với toàn thể quốc-dân rằng: Đại đa số quốc-dân có tư-cách thời mới có thể theo sự khai-hóa của Chánh-phủ mà mong phần tiến-hóa; đại đa số quốc-dân không có tư-cách thời dẫu có khai-hóa mà không có tiến-hóa, tiền-đồ của nước nhà còn mong chi! Nếu ai ai muốn biết cái tiền-đồ của nước Nam ta hay dở ra làm sao, xin ai ai cùng thử tự nghĩ ra làm sao.

Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu.

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

社會之家庭說

Gần nay, các quân-tử trong xã-hội vì xã-hội phát ngôn lập luận; phần nhiều lấy những việc công-ích của xã-hội làm chú ý. Như thế, thực vẫn là quang đại chánh đáng. Tuy vậy, xã-hội là kết hợp nhiều những gia-đình mà làm nên. Nếu đem trăm nghìn vạn ức cái gia-đình hủ bại mà mong kết thành một cái xã-hội văn minh, không có thể được vậy. Vậy Bản-chí mở ra mục này, truyện vì gia đình của xã-hội, nói về luân-lý, sinh-lý, các việc nhật dụng thường hành; không hiềm nhỏ vụn, cốt được tỏ tường, mong có ít nhiều thực-ích cho gia-đình; để gây lấy cái nền văn minh của xã-hội. Các quân-tử có lòng yêu, xin chớ khinh thường mà thường đem ý kiến giúp cho, thực là hạnh-phúc choxã-hội chẳng nhỏ vậy.

An-nam Tạp-chí

CHỨC TRÁCH CỦA NGƯỜI CÓ GIA-ĐÌNH

Trừ những nhà đàn bà hóa chưa nói, phàm một gia-đình nào có người đàn ông thời người đàn ông ấy là chủ, tức là người có gia-đình. Người có gia-đình cầm chủ-quyền trong một nhà, phải làm cho trong một nhà có thể-thống, việc luân-lý được nghiêm chỉnh, việc sinh-lý được phát đạt, các việc nhật dụng thường hành, sự sự hợp nghi, đó là chức-trách vậy. Người có gia-đình mà hết được chức-trách thời trong gia-đình ấy mới có thể-thống, thời các việc luân-lý, sinh-lý, nhật dụng thường hành mới được hoàn hảo mỹ mãn mà làm một nhà thượng lưu. Nếu người có gia-đình mà không hết chức-trách thời trong một gia-đình ấy không có thể-thống, không có thể-thống thời một là đến suy hèn lụn bại, nghèo đói khó khăn; hai là dẫu có ăn ngon mặc tốt, chức trọng quyền cao, cũng chỉ là một nhà hạ-lưu trong xã-hội vậy.

Trong xã-hội ta nay, ai là người có gia-đình mà hết được chức-trách thời không phiền phải nói đến; thử nghĩ về những người không hết chức-trách có mấy tình chất khác nhau; mà cái tệ hại của những gia-đình ấy, cũng có mấy tình chất khác nhau như dưới:

1e Người có gia-đình, thừa cơ nghiệp của người trước mà hư hèn lười biếng, hoặc ăn chơi quá độ, khiến cho một nhà ấy suy hèn lụn bại, nghèo đói khó khăn.

2e Người có gia-đình, tuy không thừa cơ nghiệp của người trước, chỉ là tự mình trong tay làm ra, song mà ăn chơi quá độ, khiến cho một nhà ấy đến xuy hèn lụn bại, nghèo đói khó khăn.

Giở lên hai điều là những người có gia-đình, tự mình cầm chủ-quyền mà không hết chức-trách, làm cho bại hoại sự sinh-lý của một gia-đình vậy.

3e Người có gia-đình, trong nhà giàu có, chỉ vì gia-pháp không nghiêm, khiến cho trong một nhà, các con cùng thịt xương, cùng máu mủ mà sinh ra có những sự oán thù kiện cáo, đến bại sản vong gia.

4e Người có gia-đình, vợ nọ con kia, chỉ vì ân ý không công, khiến cho trong một nhà, kẻ mang hờn, kẻ tủi phận, mà sinh ra có những sự chẩm minh thắt cổ, uổng mạng oan gia.

Giở lên hai điều là những người có gia-đình, tự mình cầm chủ-quyền mà không hết chức-trách, làm cho bại hoại sự luân-lý của một gia-đình vậy.

5e Người có gia-đình, để chủ-quyền mất về tay đàn bà, vì nỗi dì ghẻ con chồng mà khiến cho trong một nhà, bố dương dường phú quí, con đi cầu thực tha phương.

6e Người có gia-đình, chủ quyền mất về tay đàn bà, vì nỗi kiêu xa dâm dật mà *khiến cho trong một nhà, giai đầu đĩ thuốc sái, gái thời cờ bạc trai lơ.*

7e Người có gia-đình, chủ-quyền mất về tay đàn bà, vì nỗi nuông con chiều con, gả bán cho con, mà khiến cho trong một nhà mất ăn mất nghĩa, mất danh mất giá, cho anh hờn em giận, kẻ nhiếc người chê.

Giở lên ba điều, là những người có gia-đình, tự mình đánh mất chủ-quyền, không hết chức trách, làm cho bại hoại sự luân-lý của một gia-đình vậy.

Những người có gia-đình, không hết chức-trách mà làm cho trong một nhà đến bi sầu thảm đạm, tưởng không biết bao nhiêu là tình sự khác nhau ; nay chỉ lược tả những cái chân-tướng biểu biểu như đó, đủ thấy rằng chức-trách của người có gia-đình là trọng yếu, mà câu truyện gia-đình của xã-hội thực đáng lưu tâm vậy.

Xã-hội muốn văn-minh, phải trông ở gia-đình không hủ bại ; gia-đình muốn được không hủ bại, phải trông ở người có gia-đình hết chức-trách. Hiện nay, những ai là người có chức-trách gia-đình, nếu có lòng yêu đến xã-hội mà muốn cho văn-minh, xin hãy tự một gia-đình riêng, làm cho được hoàn hảo mỹ mãn. Nay thử nghĩ như một cái gia-đình nào, việc luân-lý nghiêm chỉnh, việc sinh-lý phát đạt, các việc nhật dụng thường hành, sự sự hợp nghi, tưởng cũng là hiếm có. Nếu trong xã-hội có được nhiều những cái gia-đình như thế, quá nửa là những cái gia-đình như thế, thời cái nền văn-minh dẫu chưa xây, đã cao được quá nửa, lo gì xã-hội không văn-minh. Nếu trong xã-hội chỉ nhiều những cái gia-đình như đã tả ở trên kia, cùng kết hợp để xây nền văn-minh, tưởng chỉ như vua Thục đắp thành Loa, một ngày khó vững vậy. Hiện nay, những ai là người có gia-đình, nếu tự xét trong gia-đình, các việc đã hoàn hảo mỹ mãn, thời không phiền dám nói đến ; ai nếu tự xét trong gia-đình mà còn có khuyết-điểm, thời xin cùng nhau hết chức trách, cho xã-hội mong nhờ.

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Công cáo các nhà Thực-nghiệp

Xin có nhời công cáo các nhà thực-nghiệp trong nước ta, hết thảy nông, công, thương, sự làm ăn của ai có đặc-sắc hơn chúng, mong rằng cứ thực tường biên, gửi lại cho Bản-chí ; Bản-chí xin đăng tải vào phần thực-nghiệp, để công chúng cùng biết. Đó là chức-vụ của Bản-chí đối với xã-hội, không tính phí quảng-cáo. Nếu như việc làm bình thường, không có đặc-sắc thời Bản-chí không nhận đăng tải, mong lượng miễn cho.

An-nam-tạp-chí cẩn cáo

蠶業之部

VIỆC TÀM TANG

Trong các thực-nghiệp, muốn cho được hoàn hảo, tất phải khảo xét tường tận. Như nghề giồng dâu, phải biết chất đất thế nào, có mấy phần hữu cơ chất, mấy phần vô cơ chất . . . . Nghề nuôi tằm, phải biết kiểu xưởng tằm của nước Ý thế nào, kiểu xưởng tằm của nước Nhật thế nào. Như thế thời công trình to nhớn xa rộng, không thích hợp với bình dân xã-hội. Nay một phần thực-nghiệp của Bản-chí, là chuyên đối với bình-dân xã-hội, cho nên trong việc khảo cứu dịch thuật, cốt lấy những điều dản dị bình thường, tiện cho khắp thảy các nhà thực-nghiệp chốn dân quê có thể theo mà thực hành, hoặc có bổ ích đôi chút. Phàm các bài khảo về thực-nghiệp sau này, đều theo ý thế vậy.

An-Nam Tạp-Chí

CÁCH GIỒNG DÂU

Muốn cho nghề tằm tơ được phát đạt trước hết phải chú ý ở việc giồng dâu, dâu có tốt thời tằm mới tốt. Vậy nên việc giồng dâu là sự quan yếu trong nghề tằm tơ vậy.

Cây dâu chẳng những chỉ dùng về việc nuôi tằm mà thôi; lại còn được nhiều việc khác: gỗ dâu có thể dùng mà chế đồ: vỏ dâu có thể dùng làm giấy; quả dâu có thể dùng ủ rượu. Coi đó, công dụng của cây dâu cũng to nghề giồng dâu thực là một mối lợi rất nhớn vậy.

Kén đất — Cây dâu là một thứ thực-vật mạnh sống, chẳng cứ chất đất ráo hay ẩm, rắn hay bở, đều có thể phát sinh được; nhưng mà giồng ở chỗ nào chất đất sốp bở và mềm ẩm thời hơn nhất là chỗ đất phù sa thời càng là tốt lắm

Cách giồng. — Giồng dâu không nên giồng mau, dâu vườn nên giồng cây nọ cách cây kia độ năm sáu thước, khi giồng phải đào hố sâu độ một thước, rộng độ hai thước, trộn đồ bón với đất bùn đổ vào cho đầy, rồi đánh dâu con, rửa cho sạch, bỏ hết rễ thối, giồng vào; khi giồng phải vuốt rễ cho thẳng, nếu để cong queo thời cây dâu lâu bén chân.

Cây dâu con rất dễ giồng, dẫu bỏ trên mặt đất trong vài mươi ngày, nếu rễ chưa khô, dem giồng cũng sống.

Giồng dâu nên giồng từ mùa đông thời hơn, để đến tháng hai tháng ba mới giồng thời hay sinh sâu.

Làm cỏ. — Giồng dâu cũng như cấy lúa, cần phải làm cỏ luôn, một là để cho cây dâu khỏi bị những thứ cỏ ấy chia sẻ bớt những chất mầu trong đất; hai là làm cho khối đất sốp bở, thời không-khí dễ thấu, nước mưa dễ ngấm, đồ bón dễ tan, cây dâu dễ hút nước mầu thời mới chóng tốt. Đại khái mỗi năm nên làm cỏ bốn lần: lần thứ nhất

vào độ cuối mùa xuân, trước khi dâu mọc mầm ; lần thứ hai, sau khi bắt đầu, hái lá ; lần thứ ba vào khoảng mùa hè ; lần thứ tư vào khoảng mùa thu, sau khi lá dâu đã lụi. Trong bốn lần ấy, lần đầu, dâu mới mọc mầm, việc làm cỏ chỉ nên sới nông ; lần cuối, dâu đã lụi lá, thời nên đào sâu ; còn hai lần giữa, nên đào vừa vừa, không nông lắm, không sâu lắm. Mỗi lần làm cỏ lại phải bới nhặt đá sỏi, cho rễ cây khỏi vướng, rồi lại phải vun đất vào gốc dâu như cũ.

Mỗi năm đến cuối mùa đông, nên đào hoặc cuốc, hoặc cày những đất ở gần gốc cây, phơi cho ải ; đến mùa hè đập nhỏ đất ấy, vun vào gốc, thế thời dâu, hốt mà không hay có sâu.

Tra đồ bón - Đồ bón tức là một thứ bổ dưỡng cho loài cây, bất cứ dâu vườn dâu đồng, cần phải năng tra đồ bón ; nếu không thời mầu đất mỗi ngày một sác, thân cây mỗi ngày một cằn, lấy đâu có lá xanh mầm tốt. Bởi vậy, muốn cho đất khỏi sác, cây khỏi cằn, thời mỗi năm ít ra cũng phải tra bón hai lần, hay là ba lần. Nếu bón hai lần, thời lần đầu nên bón từ mùa xuân, sau khi đã làm cỏ lần thứ nhất, dâu sắp mọc mầm ; lần thứ hai, vào mùa hè, sau khi mới hái lá. Nếu bón ba lần thời lần thứ ba vào khoảng mùa thu, sau khi đã làm cỏ lần cuối cùng.

Đồ bón dâu cũng như đồ bón lúa, muốn dùng thứ gì cũng được, nhưng có pha đất phù-sa thời tốt hơn ; nếu vườn dâu xa sông, không tiện lấy đất phù-sa thời nên pha đất bùn ao. Lúc bón thời đào hố hay rãnh ở gần gốc dâu, sâu độ năm, sáu tấc, tra đồ bón cho đầy, rồi lấp đất lên.

Xửa cành. - Dâu giống trong một năm, thân cây đã nhớn, cành tràn bốn mặt rườm-rà, như tàn như tán ; nếu cứ để vậy thời cây đậm quá, mầm trồi tất phải gầy nhỏ, lá mỏng dần đi, nên phải sang sửa luôn luôn. Chỗ nào thưa thời nuôi thêm mầm ; chỗ nào mau thời cắt bớt nhánh ; mỗi năm lại phải cắt bớt cành khô, cành sâu ; cành già năm trước cũng cắt bớt đi, chỉ để một vài cành nhớn, thời sang năm dâu mầm mới to, lá mới dầy.

Trừ sâu. - Cây dâu nào giống chưa lâu năm, bón tưới nhiều, vun sới nhiều, mà tự nhiên lá vàng cằn, nhiều cành khô chết, đó là có sâu. Sâu dâu có hai thứ : một thứ ăn trong lớp vỏ cây ; một thứ ăn ngoài vỏ. Thứ sâu ăn trong lớp vỏ cây, tức là con giống sén tóc (thứ sâu này lâu ngày biến hình, lại thành con sén tóc), miệng có hai nanh sắc như kéo, có thể cắn đứt mầm cây và cành cây. Khi con sén tóc sắp đẻ, cắn thủng vỏ cây, rồi đẻ trứng vào trong. Nếu thấy cây dâu có chỗ chảy nhựa, chính là chỗ con sén tóc đã đẻ, phải khoét chỗ vỏ ấy, tìm lấy những hạt nhỏ như hạt gạo giết đi cho hết ; hạt nhỏ ấy tức là trứng nó mà rồi sau sẽ thành sâu. Nếu không biết trước, trứng ấy nở ra thành sâu, tất đào hang trong thân cây mà ở. Lúc ấy phải tìm cửa hang (là chỗ có mọt gỗ đùn ra), lấy giây thép xiên vào ; thời sâu phải chết. Nếu hang sâu quá, giây thép xiên không tới, thời lấy bách-bộ (vị thuốc bắc có tính sát trùng), thái nhỏ ngâm nước mà rỏ vào trong hang ; hoặc lấy dầu ta rỏ vào, thời sâu cũng chết. Rỏ nước hay dầu để giết sâu, nên kén những ngày đầu tháng mà rỏ về buổi sáng, vì các giống sâu, về những đầu tháng thời ăn giỏi lên và mỗi buổi sáng bò ra cửa hang đi hút hơi sương, nếu lúc ấy rỏ thuốc hay dầu vào hang thời sâu dễ ăn phải mà

chết. Thứ sâu ấy đã ăn vào cây mà không trừ ngay, dần dần đục mãi xuống gốc, cây dâu phải chết.

Thứ sâu ăn ngoài vỏ cây, hình dáng như con tằm mà nhỏ hơn, chỉ ăn lá dâu. Cái lá nào đã bị nó ăn thời chỉ còn sơ, mà cây cũng vì thế phải chết. Cách trị thứ sâu ấy thời lấy lá thuốc lào, thuốc lá, hoặc bách-bộ, đâm nhỏ hòa với nước, rồi dùng chổi quét vào lá dâu, sâu ăn phải lá thuốc thời chết. Hễ thấy cây dâu nào có thứ sâu ấy thời nên trị ngay, nếu trậm vài ngày, sâu già quấn tổ như kén, rồi hóa con ngài đẻ trứng vào cây, trứng ấy lại nở thành sâu, thời không thể nào trừ xiết.

Hái dâu. — Những lá dâu non bắt đầu nảy ra, trong khoảng tháng riêng, tháng hai, gọi là *dâu lứa đầu*. Dâu ấy hái rồi, lại nảy một thứ lá khác, gọi là *dâu thứ hai*. Dâu lứa đầu phải hái cho hết từ lúc còn non: nếu nhiều quá, tằm ăn không xiết, cũng phải hái bỏ đi. Nếu không hái hết thời sang xuân, lá dâu sẽ cặn mỏng dần. Dâu thứ hai thời không cần bỏ nữa. Khi hái dâu không nên bẻ cành, vì những cành ấy chính là cành sang xuân nảy lá vậy.

Hái dâu phải có lần lượt, lá già hái trước, lá non hái sau, để lại cho nhớn; và rất không nên hái búp, vì búp để lại trong mươi ngày lại thành lá to; vả lại những lá búp chất vị còn đắng và xít, tằm ăn không tốt.

Khi tằm mới nở, ăn ít, hãy nên hái những lá tai, (tức là hai lá nở trước ở hai bên búp), vì những lá ấy già hơn, để lại cũng không lớn nữa.

Tằm đã ngủ lần thứ hai (ta gọi tằm ăn hai), đã ăn nhiều dâu, nếu hái lá tai không đủ, phải hái thêm lá ngọn. Lá ngọn là những lá búp đã nở hết, ở trong không còn búp non, dẫu để lại cũng không lớn thêm bao nhiêu.

Từ lần ngủ thứ ba (ta gọi tằm ăn ba) giở đi, tằm ăn càng nhiều, nhưng hái dâu cũng nên trọn những lá non hái trước; đến khi ăn rỗi, sẽ nên hái cả một lượt. Song trong một ruộng dâu, cũng có cây sớm cây muộn: khi hái cả lớp, cũng nên trọn cây già hái trước, cây non hái sau, thời lá dâu nhớn được hết sức mà sôi nhiều.

Những lá ngọn hái cho tằm ăn trong lần ngủ thứ hai, không nên hái mãi một cây; nếu một cây dâu năm nào cũng bị hái ngọn thời không bao lâu sẽ cỗi. Vậy nên khi hái lá ngọn, cũng phải chia có lần lượt: mỗi cây cách một năm sẽ hái một lần, năm nay hái cây này, sang năm hái cây khác, như thế thời không hại cây.

Cây dâu nào già, hoặc khô, hoặc rỗng ruột, đó là cây sắp lụi, phải giồng sẵn ngay một cây bên cạnh; cây cũ chết thời chặt đi cho cây mới lên. Nếu không muốn giồng cây khác, thời cưa ngay thân cây sắp lụi ấy đi, chỉ để cái gốc cao độ 4, 5 tấc, rồi bón đất vào, sang năm gốc ấy sẽ nảy mầm thành cây.

(còn nữa)

Lộc-Hà Ngô-tất-Tố
dịch thuật

NGHỀ NHUỘM THÂM Ở XUÂN-CẦU

Xã Xuân Cầu ngày xưa là Huê-Cầu, về huyện Văn-Giang tỉnh Bắc-Ninh.

Phong dao có câu: *Ai về Đồng-Tỉnh Huê-Cầu? Đồng-Tỉnh bán thuốc, Huê-Cầu nhuộm thâm.* Xem câu ấy thời hiết nghề nhuộm thâm ở xã Xuân-Cầu ngày xưa cũng có tiếng vậy. Ai có đến làng Xuân-Cầu, trông thấy mấy cây bàng cổ-thụ

đã mấy trăm năm nay, ấy là một thứ vật liệu rất tốt về nghề nhuộm thâm của làng ấy. Cách nhuộm có hai thứ, mầu vải cũng khác nhau :

1· *Nhuộm thâm dẹn.* — Trước hết nấu vải cho kỹ, rồi bỏ lá làng và lá sòi vào, nấu lẫn với vải, nấu độ đến khi những lá ấy không còn tí nhựa nào thời thôi. Trong khi nấu thời ngày phơi, đêm nấu ; khi thôi nấu thời phải giữ nước ấy lại để làm nước nhuộm ; nhuộm độ năm ngày, đến chiều ngày thứ năm thời lấy bùn ao trát lên trên mặt vải, phơi khô, để một đêm, sáng mai dũa bùn đi rồi, vò thật kỹ cho ra hết nước đục ; rồi lại bắt đầu nhuộm lại năm ngày nữa, ngày thứ năm lại trát bùn ao như lần trước, bao giờ mang vải ra dũa bùn rồi, mà không còn thấy nước đục nữa là được.

2) *Nhuộm thâm tràm hay là thâm huyền.* — Cách đánh chàm. — Tháng tư tháng năm cắt cây chàm ngâm vào một cái thùng gỗ to, mỗi ngày một lần đánh cho lá và cây nhũn ra, lấy nước lọc thật kỹ, để cho nước ấy cạn, đông như thạch, thế là nhuộm được.

Khi nhuộm, pha bột chàm ấy bỏ vào cái vại đổ đầy nước, chiều hôm trước quấy cho tuyết chàm nổi lên, khi nào bột chàm lắng trong, mới lấy cái vỉ tre đan sẵn, để vừa khít vào vại, ngăn cho bột chàm khỏi nổi lên ; hôm sau lấy nước tuyết mà nhuộm, đến chiều lại đổ nước đã nhuộm rồi vào vại, đánh lấy nước tuyết như hôm trước ; nhuộm bao giờ thấy có mầu thâm huyền thời thôi. Thế là cách nhuộm thâm chàm hoặc thâm huyền.

Cách làm mặt vải bóng. — Muốn làm cho mặt vải bóng nhẫy, thời ngay khi dấn nước lá hoặc nước chàm mà đem phơi lần cuối cùng, phải lấy thật nhiều văng (văng làm bằng che, to bằng chiếc đũa, dài hơn khổ vải một ít, hai đầu có đanh nhọn) cắm hai đầu nhọn vào mép vải, cách độ một gang tay một cái. Văng thế là để cho mép vải thẳng khỏi quăn.

Khi nào nhuộm đã được mầu rồi, quấn vải thật chặt vào một cái lõi (lõi tết bằng gai thật nhỏ, tết rõ lắn, to bằng ngón tay cái), lăn cho vải quấn thật chặt vào lõi. Người ta đi có một chiếc đá vuông, mặt thật nhẵn, để cuộn vải lên trên, lấy chầy nện thật mạnh, vừa nện vừa lăn cho đều ; khi nào sợi vải lì, mặt vải bóng thời thôi. Thế là được vải bóng.

Cách thức nhuộm như vậy, thật là công phu, mất nhiều thì giờ, khi nắng còn chóng ; nếu phải độ mưa dầm thời lâu không biết thế nào, mà vải nhuộm lại xấu.

Nghề nhuộm thâm của Xuân-Cầu, tuy không được đẹp như các hạng vải thâm của ngoại-quốc, nhưng mà bền mầu hơn.

Mong rằng các nhà nghề nhuộm thâm ta sẽ lưu tâm tham-khảo nghiên-cứu cho nghề thâm ấy được hoàn-hảo bành-trướng, thời cũng là một mối lợi rất to của dân nước nhà vậy.

Một người ở Xuân-Cầu lai cảo

GIẤC MỘNG CON

Nay tôi muốn in lại quyển **Giấc-Mộng-Con**, mà tìm lấy một bản cũ thực khó.

Vậy ai có mà gửi về cho, xin kính biếu một năm An-nam tạp-chí. — Ai có mà gửi về sau thời thôi.

Nguyễn-khắc-Hiếu bạch.

常識之部

Việc Pháp-Luật

Nói về duyên cách của pháp-luật

Người ta trừ cứ một mình cầy lấy thóc mà ăn, dệt lấy vải mà mặc, làm lấy cửa nhà mà ở, các đồ đạc mà dùng thời mới không cần phải có bè bạn, có đoàn-thể. Người ta chỉ cứ đóng cửa lại ăn no ngủ kỹ, không cần phải mưu việc công-ích, không cần phải tính đường tiến-hóa thời mới không cần phải giao-thiệp với đời. Đã có bè bạn, có đoàn thể có giao-thiệp với đời, thời cần phải có sự đề-phòng để giữ lấy lợi-quyền cho nhau, trừ cái tệ đoan xảy ra thời mới không đến nỗi loạn trật-tự trong xã-hội. Sự đề-phòng là gì ? Tức là pháp-luật vậy.

Cho nên ở về đời thái-cổ, chữ nghĩa chưa có, phải dùng cách kết thừng ; cách sinh-hoạt chưa có, phải ở lỗ ăn lông, đi làm về nghỉ, sớm tối khù-khì, không biết việc đời là gì, không biết giao-thiệp là gì, không ganh-tị nhau, không cãi-cọ nhau, có cần gì mà phải đề phòng, cần gì mà phải đặt ra pháp-luật.

Kịp đến đời Đường, Ngu, nhân-trí đã tiệm khai, nhân-văn đã tiệm chứ, phong-tục đã dần dần bác-tạp, không được thuần-thúy như xưa, công việc đã dần dần phiền-phức không được thái-giản, như xưa. Nào là Tam-miêu thoán-nghịch, bọn Cung-công làm sằng ; nào là việc trị thủy, nào là việc tuần-thú, sẩy ra biết bao nhiêu việc làm cho quân tướng phải săn-sóc lo ngày lo đêm, ăn không no, ngủ không yên giấc. Từ đấy mới phải đặt ra pháp-luật để làm cách đề-phòng.

Thoạt tiên đặt ra tội đánh đòi, để trừng-trị những người phạm vào khinh-tội, rồi đến ngũ-hình để trừng-trị những người phạm vào trọng-tội, như **mặc** 墨, **tỵ** 劓, **phị** 腓, **cung** 宮, **đại tích** 大辟. **Mặc** nghĩa là ai có tội gì thì khắc chữ vào người, lấy thàm đổ vào, cho không bao giờ phai được ; **tỵ** nghĩa là cắt mũi ; **phị** nghĩa là cắt chân tay **cung** nghĩa là cắt bỏ dương-vật : **đại-tích** nghĩa là tội chém. Ngoài ngũ-hình lại còn những tội phụ thuộc, như **lưu**, 流 **thoán**, 竄 **phóng**, 放 vân vân. Cất ông Cao-Giao làm quan Sĩ-sư để giữ chuyên-trách về việc hình-phạt. Sĩ-sư tức là Hình-bộ Thượng-thư đời bấy giờ vậy.

Đây là cách chế hình, còn cách làm hình thì rất là thận trọng. Phàm gặp tội nghi ngờ thời chiều theo khinh-tội mà khoan nghị ; sảnh tai thời được phép tha ; đối với việc hình thì phải kinh cẩn, vân vân . . . . Xem như thế thì biết thánh-nhân chế hình là một việc bất-đắc-dĩ, vì nhân phong-hội khí-vận bắt-buộc mà phải làm, chớ không phải có ý đặt ra nghiêm-hình trọng-phạt để thi cái độc-thủ bác tước như đời sau.

Đến đời Hạ, Thương, Chu, lại có đặt thêm ra tội **giảo** 絞, tội **lăng trì** 凌遲, **Giảo** nghĩa là bắt tội-nhân phải thắt cổ ; **lăng-trì** nghĩa là sẻo từng miếng thịt. Đời nhà Tần lại sướng hành cái tội **chu-di tam tộc** 誅夷三族, nghĩa là giết cả ba họ : họ người có tội, họ nhà mẹ, họ nhà vợ.

Xem ra đời còn thuần-phác thời không cần phải pháp-luật, đời có văn-minh khai-hóa thời mới cần phải đến pháp-luật ; song dựng ra pháp-luật mà dùng đến ngũ hình : **chảm** 斬, **giảo, lăng-trì** và **chu di tam tộc**, thời hại đến nhân-đạo là bao nhiêu, thương đến hòa-khí là bao nhiêu. Tuy lâm hình có lòng chắc-đắt, nhưng đã đặt ra thảm hình, tức là bày ra cái cạm để bẫy người đời, người có lương-tâm ai chẳng ngậm-ngùi đau đớn. Cho nên ở vào đời pháp-luật thịnh-hành và nghiêm-khắc như là đời nhà Tống, ông Tô Đông-Pha đã phải có câu diễu đời rằng : « *Độc thư vạn quyển bất độc luật, chí quân Nghiêu Thuấn chung vô thuật.* 讀書萬卷不讀律致君堯舜終無術 ». Nghĩa là đọc muôn vạn quyển sách, mà không đọc luật thời dẫu có muốn giúp vua làm được như Nghiêu, Thuấn, cũng đành chịu phép. Hai câu ấy ở trong một bài thơ của ông đưa cho Vương-An-Thạch, ngụ ý nói rằng : thiếu gì thiên kinh vạn quyển, lại chỉ có luật mới chí quân Nghiêu, Thuấn được hay sao ? Nói xa nói gần để hủy báng Vương-An-Thạch không biết cách chí quân, không biết tỉnh hình-pháp để giữ lấy hòa-khí cho thiên-hạ.

Đời Hán Văn-đế có Thuần-vu-Khôn làm quan giữ kho mắc tội, con là nàng Đề-Oanh sợ cha bị hại, dâng thư xin thế mình thay tội cho cha, lời lẽ rất bi-ai thảm-đạm. Vua Văn-đế cảm lời nói của nàng có nghĩa tư-tưởng, có lòng hiếu-thảo, bèn hạ lệnh trừ bỏ nhục-hình, nghĩa là bỏ hết cả những thảm-hình làm đến hại thi-thể người ta, mà rồi dần dần đổi ra **xuy, trượng, đồ, lưu, tử,** 笞 杖 徒 流 死. Ấy nhục-hình tỉnh giảm từ đấy, mà kẻ đời sau mới khỏi nghe cái tiếng đồ oán bi-ai của kẻ oan-dân, khỏi trông thấy cái hiểm-tượng phanh xé băm vằm của bực tàn-bạo.

Nước ta theo văn-hiến của Tàu, chính-trị là chính-trị tầu, pháp-luật là pháp-luật tầu, tuy lịch-đại có châm-trước, tùy quốc-tục dân-phong mà thay đổi ít nhiều ; song thay đổi thêm bớt chẳng qua thuộc về chi điều ngạnh khái mà thôi, chứ đến cái cốt-tử thời không bao giờ thay đổi. Hình-luật nhà Đinh nhà Lê thì giản-lược, nhưng quá ư nghiêm-khắc ; hình-luật nhà Lý, nhà Trần, nhà Hậu-Lê thời có khoan từ, nhưng lại quá ư phiền toái. Đến đời vua Gia-Long tham-thái luật Tàu, nhân thời-thế phong-tục trong nước, trâm-trước biệt lập ra bộ Quốc-triều hình-luật, tiết-mục rõ-ràng mà có thứ tự, điều khoản chu-đáo mà không phiền-phức, thực là một bộ luật có giá trị nhất từ khi mới lập quốc đến giờ. Mấy trăm năm nay, ta vẫn theo luật ấy không có cái gì tệ, không có cái gì là không thích nghi.

Tuy nhiên, dân-trí mỗi ngày một khai-thông, phong-tục mỗi ngày một biến-đổi, pháp-luật cũng phải tùy thời mà biến thông, thì buổi nào, kim-cương ấy, không thể giao trụ mà cổ sắt được. Nước Đại-Pháp nhân trình-độ của dân ta và cái phong-trào khích-thích ngày nay, xửa đổi lại hình-luật và cách tổ-chức việc tư-pháp cho hợp thời. Bắt đầu từ năm 1918 đã thi-nghiệm thi-hành ở Bắc-kỳ một bộ hình mới. Bộ luật này nhân luật cũ Gia-Long và tham-bác những điều cốt-yếu của luật bên Pháp mà soạn thành. Thoạt tiên còn thi-nghiệm thi-hành một vài tỉnh, sau xem ra rất hợp với trình-độ dân ta ; sau khi thi-hành không có ngăn trở chút nào, thì dần dần đem ra thi-hành suốt cả toàn hạt. Hiện nay thì đã là một bộ luật có giá-trị rất quan-hệ cho quốc-dân. Còn luật Dân-sự và Thương-sự thời hiện đương xửa soạn chửa song. Phàm những việc thuộc về luật Hộ thì nhất thiết hãi tạm dùng luật cũ đời Gia-Long.

Nước ta bây giờ có hai Chính-phủ : Chính-phủ Nam-triều và Chính-phủ Bảo-

hộ. Vì có hai Chính-phủ cho nên luật cũng phải chia ra có hai thứ: Luật nước Pháp và luật An-nam. Luật Pháp là để xử những việc thuộc về dân Pháp và các dân ngoại-quốc; luật An-nam là để xử những việc chuyên thuộc về dân An-nam. Nghi phục về pháp-luật thời có chia ra áo đen và áo đỏ, nghĩa là phiên xử án, các quan-chức mặc **áo đen** hoặc **áo đỏ** để tỏ ra có ý thận-trọng về pháp-luật vậy.

Thế nào là **áo đen**? Nguyên tây-phương lấy sắc đen làm giấu bi-ai, tức như là lấy sắc đen làm giấu tang-chế. Việc hình-án rất quan-hệ đến lợi-quyền tính-mệnh của người ta, làm sao biện cho rõ khúc trực, làm sao cho thấu được điều oan uổng của dân, thực đáng thận-trọng lắm lắm. Khi làm-hình mặc áo đen là lấy giấu bi-ai làm cho người ta phải đem lòng bi-ai đối với pháp-luật, để cho được thận trọng và khỏi nhỡ có điều gì sơ-xuất, cũng như ta có chữ « tuất hình » vậy.

Thế nào là **áo đỏ**? Tòa án **áo đỏ** tức là tòa án Đại-hình. Hôm xử đó, phần nhiều có những việc đại-gian đại-ác, phải dùng đến luật xử-tử, các hlưu-huyết. Đó tức là lấy nghĩa giọt máu đào, lấy sắc máu để làm giấu-hiệu, cũng là một cách thận hình-phạt vậy.

Ấy là duyên-cách của pháp-luật; còn đến ý luật thì rất là thâm-thúy, nghĩa luật thì rất là gian sáp, xem luật phải để ý tứ mà suy cầu, mới có thể hiểu thấu được tinh-thần của luật, khám-phá được thâm ý của người làm luật. Ta hãi dẫn qua một vài đoạn rất giản-dị mà coi:

Luật định giết người thì phải tội; nhưng giết người vì cách hộ-vệ chính-đáng thời lại được khoan-miễn. Tòa Phúc-thẩm đã kết-nghĩ chung-thẩm rồi, nhưng lại có khi được lấy giấy má chứng-thực tội oan xin tái-thẩm, như là một việc mới sảy ra. Hai người nguyên bị kiện nhau, tòa đã phân sử phải trái và kết-liễu việc ấy rồi, thế mà người thứ ba (tức là người xưa nay, vẫn đứng ngoài công việc kiện ấy) lại được phép đứng ra can-thiệp làm cho sự kết-liễu trước lại hóa ra vô-hiệu. Cùng là một sự bán con, nhưng bán cho người trong họ-đương tộc-thuộc thì không sao, bán con cho một người ngoài thời phải tội khổ sai. Cùng là một sự thông dâm, nhưng thông dâm với trẻ con vị-thành-nhân và đàn-bà có chồng thì có tội, thông dâm với đàn-bà chưa chồng và con gái đến tuổi thời lại hóa ra vô tội. Luật định giết người vì cách hộ-vệ chính-đáng thì được khoan miễn, vậy thì súc vật của hàng xóm vào ruộng đất của mình hiện có reo giống cây cối, mình ném hoặc đánh chết để giữ lấy hoa-lợi của mình, sao lại có tội? Tức như điều thứ 302 tiết thứ tám trong bộ hình-luật: « Người « chủ sở-hữu hoặc người thuê mướn « không có sự gì cần-thiết mà tự-tiện giết « hay là đánh bị thương những voi, ngựa, « trâu, bò, và gia-thú gia-cầm của người « ta chạy vào trong nhà của mình, hoặc « trong sân vườn có rào giậu, hoặc những « nơi phụ-thuộc với nhà cửa của mình, « hoặc trong ruộng đất của mình, hiện « có reo giống hoặc có nông-vụ chưa « thu-hoạch hay đã thu-hoạch mà còn « để đồng, thời phải bị phạt giam từ sáu « ngày đến một tháng và phạt bạc từ 7 « đồng đến 10 đồng; vả lại phải bị bồi-« thường một khoản tương-đương với « vật bị sát thương ấy cho người chủ « sở-hữu bị hại »

Ấy trong luật biến-hóa ly-kỳ, thiên-hình vạn-trạng đến như thế, khiến cho ta đọc mà phải ngạc-nhiên, khiến cho ta đọc mà phải suy nghĩ mãi không tìm được mành mối, không hiểu được căn

nguyên. Thế mới biết ý luật hay mà tinh, nghĩa luật rộng mà khó. Ta đọc luật không chịu để tâm suy cứu cho thật hiểu thấu thời tài nào đi cho khỏi lầm đường, khỏi vì pháp-luật làm cho ta phải hối hận, cũng như uống thuốc lầm phương, chính thuốc lại làm hại cho ta vậy.

Bởi vậy, ở vào đời giao-thiệp cạnh-tranh này, ta phải lấy pháp-luật làm cái hộ-phù cho ta, ta phải hiểu thấu pháp-luật để giữ lấy quyền lợi của ta, để giao-thiệp với đời một cách chính-đáng, khỏi phải đứng vào cái địa-vị thiệt-thòi suy kém. Ta lại nên đọc nhắc lại câu thơ phúng thế của ông Tô Đông-Pha : «Độc thư vạn quyển bất độc luật, chí quân Nghiêu Thuấn chung vô thật.» Câu ấy nguyên là câu lấy nghĩa xa-xôi bóng-bẩy mà diễu đời, nay ta dùng câu ấy lấy nghĩa đen và nghĩa chính mà phản lại làm câu khuyên đời.

Bài này chuyên nói về duyên-cách của pháp luật ; từ kỳ sau giở đi, sẽ có những bài giảng-giải nghĩa luật, thích-dẫn ý luật, thỉnh-thoảng lại có bài thí-dụ để cho ai xem cũng dễ hiểu ngay, ai cũng có thể ngồi ở trong nhà mà nói truyện luật-pháp một cách rất thông-thạo tinh-tường, cũng như là đã từng bước chân vào trường luật-học vậy.

Sơn-Xá Lê-Khắc-Hoa
Đông-Dương Tư-pháp

MỘT CÁCH ĐO RUỘNG GIẢN DỊ

Cách đo ruộng của nước ta, trong những mẫu, sào, thước, tấc, có nhiều số bực ngoắt ngoéo; như một sào 15 thước, 1 phân 6 ly, hay là một miếng 9 than, 1 than 25 ô v. v. . . Vì thế, trong phép tính ruộng của ta cũng có một chút lôi-thôi khó-khăn. Vả lại trước ta đo ruộng vẫn dùng phép tính Trạng Lường, phép ấy tuy cũng đúng, nhưng mà cách tính vắn-tắt khó hiểu, xứ quê ít người học biết. Gần nay phép đo ruộng có nhiều cách mới, như đo ống ròm, đo ảnh, vân vân. . . lại có một lối bình-dị, là đo thành sào mẫu tây, mà so đổi sang sào mẫu annam ; những cách đo ruộng ấy thật là tinh tường nhanh nhẹn, hiềm vì không hợp cho thói quen của người thôn quê. Phép đo ảnh, đo ống ròm thì người quê cố-nhiên không mấy kẻ biết, mà cách đổi sào mẫu tây sang sào mẫu annam, cũng là một điều khó hiểu cho xã-hội ở chốn hương thôn. Vì vậy tôi tham-bác lối mới, lối cũ thử làm ra một phép đo ruộng giản-dị, có thể khiến cho những người có chút ý sáng nhân đó mà biết cách đo ruộng ; như vậy tưởng cũng có ích cho sự cần dùng của dân quê ta ngày nay vậy.

Các tên số bực dùng trong sự đo

Số bực dùng để đo bề giải.

Đo bề giải có 2 thứ số bực 1° là số bực ăn-mười, 2° là số bực ăn-năm. Những số bực ăn-mười là:

Thước. — Đo bề giải theo số bực ăn-mười thì lấy thước làm unité. Thước ta xưa vẫn lấy 17 đồng tiền Gia-long làm chuẩn đích, nhưng bây giờ tiền ấy lâu ngày, quanh cạnh mòn sất, đồng to, đồng nhỏ không đều nhau ; nếu cứ theo như phép cũ, thì sẽ có cái tệ thước ,iài thước ngắn không nhất định. Vậy nay cứ lấy 4 tấc tây (décimètre) làm một thước. (đánh dấu là (t).

Những số bực nhỏ của một thước là :

Tấc. — tấc là 1 phần 10 của một thước.
Phân. — Phân là 1 phần 100 của một thước.
Ly. — Ly là 1 phần 1000 của một thước.
Vậy thì một thước có 10 tấc, 100 phân, 1000 ly.
Số bực nhớn của thước là :
Trượng. — Trượng là 10 thước (đánh dấu là (tr), so với thước tây (mètre) là :

$$0^m40 \times 10 = 4^m00.$$

Những số bực ăn-năm là :

Ngũ. — Đo bề giải dùng theo số bực ăn năm thì lấy ngũ làm unité.
5 thước là một ngũ (đánh dấu là (n), so với thước tây là :

$$0^m40 \times 5 = 2^m00.$$

Số bực nhỏ của ngũ là :
Gang. — Gang là 1 phần mười của một ngũ.

Các số bực ăn-mười và các số bực ăn-năm so hợp với nhau thì 1 trượng có 2 ngũ, 1 ngũ có 5 thước, 1 thước có 2 gang, 1 gang có 5 tấc. Nói trái lại thì tấc là 1 phần 5 của gang, gang là 1 phần 2 của thước, thước là 1 phần 5 của ngũ, ngũ là 1 phần 2 của trượng.

Đo bề mặt.

Đo bề mặt nghĩa là tìm cái lượng rộng của mặt phẳng nào, như mảnh ván, tấm vải, hay là hồ, ao, ruộng, đất v. v. Cách đo bề mặt thường phải nhân số thước bề giải của cạnh nằm, với số thước bề giải của chiều cao. Như hình vẽ số 1 thì A là cạnh nằm. B là chiều cao.

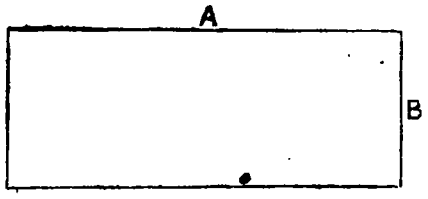

Các tên số bực dùng để đo bề mặt.

Các số bực dùng để đo bề mặt của ta cũng có 2 thứ: số bực ăn-mười và số bực ăn-năm. Những số bực ăn-mười dùng để đo bề mặt là :

Ô. — Ô có tiếng gọi là ghế, ngang một thước, giọc một thước (danh dấu là (Ô), so với thước vuông tây (mètre carré) là :

$$0{,}40 \times 0{,}40 = 0^{m}216$$

Đo bằng thước thì lấy ô làm unité.

Những số bực nhỏ của ô là :

Tấc vuông. — Tấc vuông, ngang 1 tấc, giọc 1 tấc. là 1 phần 100 của một ô

Phân Vuông . - Phân vuông ngang 1 phân, giọc 1 phân. là một phần 100 của một tấc vuông, 1 phần 10.000 của một ô.

Ly vuông. — Ly vuông ngang 1 ly, giọc 1 ly là 1 phần 100 của một phân vuông, một phần vạn của một tấc vuông, 1 phần triệu của một Ô. Vậy thì 1 ô có một 100 tấc vuông, 10.000 phân vuông, 1,000,000 ly vuông (xem hình vẽ thứ 2)

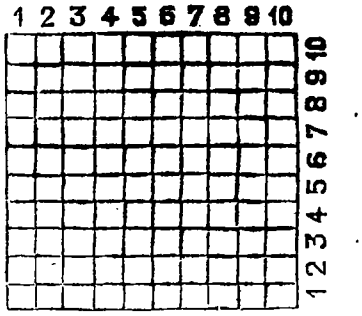

(Hình số 2 này tức như một ô, nghĩa là ngang 1 thước, giọc 1 thước Mỗi ô con tức là 1 tấc vuông).

Số bực nhớn của ô.

Trượng–vuông. - Trượng vuông có tiếng gọi là đấu, ngang một trượng, giọc 1 trượng, đánh dấu là (tr2) . 1 trượng vuông có 100 ô. so với thước vuông tây là :$0^{m}40 \times 10$, $\times$ ($0^{m}40 \times 10$) $16^{m}20000$.

Những số bực ăn-năm dùng để đo bề mặt là :

Ngũ-Vuông. – Ngũ vuông có tiếng gọi là than, ngang 1 ngũ, giọc 1 ngũ, (đánh dấu là (n2) So với thước vuông tây là : ($0^{m}40 \times 5$) $\times$ ($0^{m}40 \times 5$) = $4^{m}2$ 000.

Đo bằng ngũ thì lấy ngũ vuông làm unité.

Số bực nhỏ của ngũ vuông là :

Gang vuông . — Gang vuông là 1 phần 100 của ngũ vuông. ngang 1 gang giọc 1, gang.

Các số bực ăn-mười dùng để đo bề mặt, so hợp với các số bực ăn năm thì 1 trượng vuông có 4 ngũ vuông, 1 ngũ vuông có 25 ô, 1 ô có 4 gang vuông.

Những tên số bực của ruộng annam.

Mẫu. — Tính các thửa ruộng to thì lấy mẫu làm unité. Theo số bực ăn mười thì ngang 15 trượng, giọc 15 trượng, hay là ngang 150 thước, giọc 150 thước là một mẫu. Vậy thì một mẫu có 225 trượng vuông, hay là 22,500 ô :

$$150 \times 150t = 225 \text{ tr } 200 \text{ ô.}$$

Tính theo số bực ăn năm thì ngang 30 ngũ, giọc 30 ngũ là 1 mẫu. Vậy thì một mẫu có 900 ngũ vuông.

$$30n \times 30n = 900\ n^{2}$$

Một mẫu tính ra thước vuông tây là :

$(0^m40 \times 150) \times (0^m40 \times 150) = 3600$ mètres carrés.

Sào. — Tính những thửa ruộng nhỏ thì lấy sào làm unité, theo số bực ăn mười, thì ngang 1 trượng 5 thước, giọc 15 trượng, hay là ngang 15 thước, giọc 150 thước là một sào. Vậy thì 1 sào có 22 tr 25, hay là 2250 ô.

$150 \times 15 = 2250$ ô.

Tính theo số bực ăn năm thì ngang 3 ngũ, giọc 3 ngũ là một sào: Vậy thì 1 sào có 90 ngũ vuông :

$30n \times 3n = 90$ n2.

1 sào so với thước vuông tây là : $(0^m40 \times 150) \times (0^m40 \times 15) = 360^{m2}$.

Những số bực nhỏ của một sào.

Thước ruộng. — Thước ruộng (Đánh dấu là tv.) là 1 phần 15 của một s Tính theo số bực ăn mười, thời ngang 10 thước, giọc 15 thước là một thước ruộng. Vậy thì 1 ruộng có 150 ô.

$15 \times 10 = 150$ ô.

Tính theo số bực ăn năm thời ngang 2 ngũ, giọc 3 ngũ là 1 thước ruộng. Vậy thì 1 thước ruộng có 6 ngũ vuông.

$2 \times 3 = 6n^2$.

1 thước ruộng so với thước vuông tây là :

$(0^m40 \times 10) \times (0^m40 \times 15) = 24^{m2}00$

(Còn nữa)

NGÔ-TẤT-TỐ

CÁC SÁCH ĐÃ IN CỦA

TẢN-ĐÀ TU THƯ CỤC

Lên sáu	giá	0$10	Truyện Tỳ-Bà	»	0, 50
Lên tám	»	0, 20	Bức tranh lòng son	»	0, 08
Đài gương	»	0, 35	Truyện **Trinh-thám** Ba-Lan	»	0, 20
Đàn bà tầu	»	0, 25	Truyện Thế-giao quyển nhất	»	0, 30
Thần tiền	»	0, 30	Truyện Thế-gian quyển nhì	»	0, 20
Giấc mộng con	»	0, 38	**Đại-Học**	»	0, 70
Khối tình con quyển nhất	»	0, 18	Sự-tích 18 đời Hùng-Vương	»	0, 20
Khối tình con quyển nhì	»	0, 20	Cẩm-Hương-Đình	»	0, 50
Khối tình bản chính	»	0, 25	Chết sống thuyền-quyên	»	0, 40
Khối tình bản phụ	»	0, 10	**Kinh-Thi** quyển nhất	»	1, 50
Còn chơi	»	0, 30	Quốc Sử huấn mông	»	0, 60
Tản-Đà tùng văn	»	0, 30	Thơ Tản-Đà	»	0, 20

Các sách này có bán tại Tản-Đà Thư-Điếm

58, Hàng Bông — HANOI

文學之部

NHỜI LUẬN-THUYẾT GIẢI VỀ NGHĨA THIÊN-LƯƠNG

Nhời luận thuyết giải về nghĩa thiên-lương, ta lưu ý đã hơn mười năm nay, vẫn định có một ngày soạn thành một quyển sách ; song một vì sức học nông nổi, hai vì bước gặp rối bời, cho nên chí nguyện chưa thỏa. Có được thỏa cái chí nguyện ấy chăng nữa, ít cũng ở mười năm về sau. Nay nhân trong thì giờ biên tập An-Nam-tạp-chí, lược thảo những ý kiến về nhời luận thuyết đó, trình chính các bực cao nhã quân-tử trong xã-hội ; còn như tiết mục thiên chương, cho được có trật tự tường minh, xin đợi khi khác vậy.

ĐẠI-NGHĨA CỦA HAI CHỮ' THIÊN-LƯƠNG

Nói về phần chung của nhân loại

Thiên-lương là gì ? là một vật rất tự nhiên tinh thúy, có ba nguyên-chất, phát sinh tự ở người mà ra, khai hoa kết quả, làm một thứ không-khí thứ hai của loài người vậy.

Ba nguyên-chất của thiên-lương là gì? Một là *lương-tri*, là cái tri-giác rất tự nhiên tinh thúy; hai là *lương-tâm*, là cái tâm địa rất tự nhiên tinh thúy ; ba là *lương-năng*, là cái năng-lực rất tự nhiên tinh thúy. Ba nguyên-chất đó ở trong người, ấp làm một khối, như một hạt giống có ba mảnh đặt nằm ở dưới đất ; sau lúc đã phát sinh thời chia làm ba ngành. Ba ngành đó mỗi ngày mỗi nhớn, khai hoa kết quả, làm cho loài người được hưởng thụ mà có cái quang-cảnh như ngày nay. Nay chia nói như dưới :

1° **Lương-tri**. -- Một ngành lương-tri, sau lúc đã nhớn lên thời làm phần **trí** của nhân loại. Nghĩ như loài người từ lúc còn ăn lông ở lỗ, cho đến có nhà cửa, ăn thức chín ; cho đến có thuyền đi nước, xe đi cạn ; cho đến có máy hơi nước, đèn lửa điện ; cho đến có hàn-thử-châm, phong-vũ-biểu, tiềm-đĩnh phi-cơ. Ấy đều bởi một chất lương-tri phát sinh tư tưởng, mà khai hoa kết quả như thế vậy.

2) **Lương-tâm**. -- Một ngành lương-tâm, sau lúc đã nhớn lên thời làm phần **đức** của nhân loại. Nghĩ như loài người từ lúc còn chưa có vợ chồng, cha con, anh em, vua tôi, bè bạn ; cho đến có luân thường đạo lý của gia-đình xã-hội ; cho đến có hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, xỉ ; cho đến có những sự sát thân thành nhân, xả thân cứu thế của các bực nhân-nhân quân tử, đại-thánh đại-hiền. Ấy đều bởi một chất lương-tâm, phát sinh tư tưởng mà khai-hoa kết quả như thế vậy.

3) **Lương-năng**. -- Một ngành lương-năng, sau lúc đã nhớn lên thời làm phần **tài năng** của nhân loại. Phàm loài người có những tài năng, nhỏ như cầm kỳ, thi, họa, sạ, ngự, thư, số ; nhớn đến thành văn thần võ, tế thế kinh bang. Ấy đều bởi một chất lương-năng phát

sinh tư tưởng mà khai hoa kết quả như thế vậy.

Cứ phần riêng mà nói thời giá-trị của lương-năng đối với lương-tri, lương-tâm, như không đủ sánh cùng. Song hai ngành kia đều nhờ sức lương-năng mới được có khai hoa kết quả. Cho nên nói về nghĩa thiên-lương, có thể cứ hai phần **trí, đức** mà lương-năng tự có phần ở trong vậy.

Vậy thời bảo thiên-lương là một thứ không-khí thứ hai của loài người là sao? Loài người ta phải có nhờ không-khí mới sống, chỗ đó cũng như các loài vật; loài người ta phải có nhờ sự khai hoa kết quả của thiên-lương, mới sống được ở trên các loài vật mà làm chúa tể ở trên mặt địa-cầu, cho nên gọi là "*một thứ không-khí thứ hai*" vậy.

Thử nghĩ như loài người hiện nay, nếu bỏ hẳn một phần **trí**, phàm các việc lợi-dụng do *lương-tri* phát sinh tư tưởng, khai hoa kết quả mà làm nên như đã thuật ở điều lương-tri ở trên kia), nhất thiết không có nữa; lại chỉ cứ ăn lông ở lỗ, như mấy vạn năm về trước kia, Vậy thời dẫu có luân thường đạo lý của gia-đình xã-hội, hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, nhân-nhân quân-tử, đại-thánh đại-hiền, cũng chẳng qua chỉ như đàn thỏ đàn cừu, chỉ đủ làm một thức ăn rất ngon cho hổ báo sài lang vậy. Dẫu có sinh tồn chăng nữa, mà cái giá-trị của nhân loại còn đủ kể nữa ru!

Lại nghĩ như loài người hiện nay, nếu bỏ hẳn một phần **đức**, phàm các sự luận-tự do lương-tâm phát sinh tư tưởng, khai hoa kết quả mà làm nên (như đã thuật ở điều lương-tâm ở trên kia), nhất thiết không có nữa; lại không có vợ chồng cha con, anh em, vua tôi, bè bạn, như mấy vạn năm về trước kia; vậy thời dẫu có nhà cửa cao, thức ăn ngon, thuyền đi nước, xe đi cạn; máy hơi nước, đèn lửa điện, hàn-thử-trâm, phong-vũ-biểu, tiềm-đĩnh phi-cơ, cũng chẳng qua chỉ như hổ báo sài lang, chỉ thêm gươm súng làm vuốt nanh mà cắn sé lẫn nhau vậy. Dẫu có sinh tồn chăng nữa, mà cái giá-trị của nhân loại còn đủ kể nữa ru!

Cho nên không có phần **trí** của thiên-lương thời loài người không thể tranh được với các giống ác thú mà sinh tồn; không có phần **đức** của thiên-lương thời loài người không thể cùng nhau mà sinh tồn. Cho nên loài người mà sinh tồn được, là nhờ **trí**: loài người mà cùng nhau sinh tồn được, là nhờ **đức**. Cho nên bảo thiên-lương là một thứ không khí thứ hai của loài người, **trí** là dưỡng-khí, **đức** là đạm-khí vậy.

(sẽ tiếp theo)

Nguyễn-Khắc-Hiếu

Cuộc du-lãm ở khu thứ nhất về đường xe-lửa Vinh — Đông-hà

Con đường xe-lửa Vinh, Đông-hà mà bấy nay ta vẫn hằng mong-mỏi đợi tin, mà nhất là dân ở các tỉnh sở-tại như Hà-tĩnh, Quảng-bình, Quảng-trị, ngày đêm chờ đợi cho chóng hoàn-thành để tiện đường vận-tải các lâm-sản như gỗ lim, chè, cau cùng các thứ thổ-ngơi khác, mà bây giờ vẫn phải chịu cách vận-tải bằng trâu bò, thuyền bè, như hồi năm mươi năm về trước.

Đường xe-lửa đây chia làm ba phần: phần thứ nhất từ tỉnh-lỵ Nghệ-an đến Tân-ấp, là địa phận Hà-tĩnh; phần thứ nhì từ Tân-ấp đến Ngân-sơn, là địa phận Quảng-bình; phần thứ ba từ Ngân-sơn đến Đông-hà là địa-phận Quảng-trị.

Nay ta hãi nói về phần thứ nhất và lược-thuật về thổ-sản các Ga từ Vinh đến Tân-ấp thì Ga nào cũng đã đặt bàn giây-thép và mọi sự đã xếp đặt chu-tất cả rồi. Đường sắt này đã đặt song đến Tân ấp dài 89 kilomètres cả thảy, đường đá đã rải song lượt thứ nhất, còn lượt thứ hai đã được gần 50 kilomètres vào quãng hai ga Phượng-trạch và Thanh-luyện. Cứ như ý-kiến quan Chánh kỹ-sư quan Đốc-dường Vinh, Đông-hà thì sang tháng tám tây này xe lửa đã có thể chạy suốt từ Hanoi vào tới Tân-ấp được.

Ký-giả nhân mới vâng lệnh quan trên vào công-cán trong mươi hôm thì công việc xem ra đã tấn-bộ lắm; tiện đây xin ghi chép những điều mắt thấy tai nghe để công đồng-lãm cũng không phải là vô-ích vậy.

QUÃNG ĐƯỜNG TỪ VINH ĐẾN TÂN-ẤP

Từ Vinh đến Yên-xuân	10^{km}350
Từ Yên-xuân đến Chợ Thượng .	7 , 500
Từ Chợ Thượng đến Phùng-công.	8 , 300
Từ Phùng-công đến Yên-Duệ . .	5 , 676
Từ Yên-Duệ đến Hòa-duyệt . . .	6 . 424
Từ Hòa-Duyệt đến Phượng-trạch	6 , 536
Từ Phượng-trạch đến Thanh-luyện	5 , 641
Từ Thanh-luyện đến Chu-lễ. . . .	10 , 303
Từ Chu-lễ đến Gia-phố.	3 . 970
Từ Gia-phố đến Lộc-yên	4 , 550
Từ Lộc-yên đến Phúc-trạch. . .	7 , 285
Từ Phúc-trạch đến La-khê. . . .	6 , 878
Từ La-khê đến Tân-ấp.	5 , 530

Cứ như lời huyền-truyền thì nào ma thiêng, nước độc, hổ thét, voi gầm, chung quanh vẫn đất nước nhà, mà coi hình như Côn-lôn La-bảo; nhưng nghiệm xét ra thì người mình, mà nhất là bọn lao-động thường hay ăn bậy uống càn, không có chút chi là vệ-sinh cả, nên mới sinh ra bựng ỏng mặt vàng, thịt da gầy bủng. Một người điền-tốt ở chốn thôn quê, tuy cơm hẩm cà kho, nhưng khí-hậu vẫn lành, nay ứng-mộ vào chân phu làm mỏ hay làm đường, cơm thì cơm nắm, cá thì cá khô, khi nước suối, lúc nước ngòi, suốt ngày lao-động, đương khi nóng bức hộ-hồi bổ-kê nhễ-nhại, cũng nhầy ngay xuống suối cho thỏa chí vẫy-vùng. Đêm đến giải bãi nằm rơm, hay cái liếp, có khi quét sạch đất làm giường nằm, thủy thổ đã bất-phục lam-chướng lại nặng-nề, làm gì cái ốm chẳng giắt đến ngay, đến lúc rét lại chùm chiếu ra phơi nắng, cơn sốt vì thế lại nặng thêm, dẫu mỗi ngày được vài viên ký-ninh cầm sức cũng chẳng lại nào; không làm được lại chẳng có lương, bệnh-viện chẳng có, lắm người phải ôm chiếc hành-khất mà về. Tưởng các nhà có trách-nhiệm về việc di-dân cùng các ông chủ thầu cũng nên để tâm đến vậy.

Đây là những cảnh-tượng hằng ngày ký-giả thường được mục-kích trong khi qua Tân-ấp La-khê. Lại dẽ về bên tay phải đi vòng quanh một chút, rồi cứ thẳng đường đi qua những nơi đồng-điền bát-ngát, thì đã đến ngay ga Yên-xuân, là nơi thóc gạo đã nhiều, trứng gà trứng vịt cũng lắm. Dân-cư ở đây rất là đông-đúc, mà có vẻ trù-phú hơn cả miền này; gỗ gụ, gỗ lim, gỗ giẻ, gỗ táu, ở Linh-cảm tải ra đều do con sông này tải về Bến-thủy. Nay ga đã liền sông, lại có con đường xuống bến thời sự vận-tải còn gì tiện-lợi cho bằng.

Đường xe lửa sở-dĩ phải cắn nảnh về mạn trong này, không qua tỉnh-lỵ Hà-tĩnh, là vì muốn tránh các chỗ khó-khăn như sông Gianh (Linh-giang) như đèo Ngang thời thiệt-thòi cho ta không được ngoạn-cảnh chuông nhà Hồ, phá Tam-giang, nhưng ta muốn tắt ngang sang Lào thì lại tiện lợi lắm. Vì

sở xe lửa đương cắm con đường từ Tân-ấp qua Savannakhet đến Takhet ăv Vientiane; đợi khi song con đường Đông-hà thời con đường Tân-ấp Takhet sẽ bắt đầu khởi-công, nếu con đường này được như-ý, thì không những mỏ vàng ở Xieng khouag, mỏ thiếc ở Cammôn tiện đường khai-khẩn, mà những bò ở Nong-khay, thóc gạo ở Savannekhet cũng dễ đường vận-tải.

Lại theo đường cũ mà đi thời phải qua một cái cầu dài hơn bảy trăm thước coi tựa-tựa như cầu Hàm Rồng mà có bảy dịp. Suốt từ Hanoi vào Huế, cái cầu này tuy không được hùng-vĩ như cầu Hàm Rồng, cái vẻ thanh-kỳ thật là có một không hai, tuy dài mà xinh-xắn, không rộng nhưng gọn-gàng, cái tài tinh khéo của các công-trình-sư đã mất bao công tô-điểm mới được hoàn-thành. Nghĩ giá thử vào nơi đô-hội, thì chiều chiều đã rao-nức những tài-tử giai-nhân. Thế nhưng đây thời chỉ là một cái cảnh thanh-tao tịch-mịch, ngoài giăng trong gió mát, duy có nước biếc non xanh.

Ga chợ Thượng ở vào dữa địa-phận làng chợ Thượng và Thọ-trường, phiên chợ ăn vào ngày bốn và ngày chín, thổ-sản có tơ lụa là nhiều, chợ đây vừa to vừa rộng và đông hơn cả miền này, nhân có con sông chảy qua, nên cái cảnh trên bến dưới thuyền cũng có vẻ náo-nhiệt, mà việc buôn bán cũng nhân đó mà ngày một sầm-uất thêm, nay lại có con đường sắt chạy từ bến lên ga thì việc vận-tải lại càng được tiện-lợi mọi bề. Cái cầu trên sông chợ Thượng tuy chỉ có ba dịp nhưng trông cũng có vẻ khả-quan. Đi đến ga Phùng-công thì trông ra khác hẳn, phong-cảnh đìu-hiu, dân-cư thưa-thớt, vì con sông ở đây không được lành, nên nhiều người mặt bủng da chì, hỏi ra thì họ nói rằng trên thượng-lưu con sông này có một cây lá han tới vài ôm, đã nhiều người muốn chặt mà không sao chặt được vì thế những khi mưa lũ, nước lá han chảy xuống sông ai tắm phải thì ngứa-ngáy hàng năm bảy hôm mới khỏi, còn người nào ăn phải thì cũng chẳng lành, nên những nhời dị-đoan được thể mà bầy đặt ra, nào tà, nào ma, nào quỉ, nào quái ở cây lá han, có người lại bảo là cửu-dĩ thành-yêu nên mới sinh ra lắm bệnh.

Từ Yên-duệ đến Phương-trạch, Thanh-luyện, Chu-lễ, Gia-phố là nơi sản cau tươi rất nhiều, nhất là lụa đậu sáu ở ga Chu-lễ đã có tiếng là bền mà đẹp. Đây có con đường ô-tô ra tỉnh-lỵ Hà-tĩnh dài mười sáu kilomètres. Gần đây họ mới tìm được mỏ than ăn xuốt cả một giẩy núi chạy dài cho đến La-khê có 30 kilomètres, nhà máy diêm Bến-Thủy đã lấy ba tấn về thử thì tốt lắm, so với than Hongay thì không được bằng, nhưng đọ với than Tuyên-quang và Phủ Nho-quan thì có phần dắc-lực hơn nhiều, nếu nhà máy diêm xin được phép khai-khẩn thì cái mỏ này sẽ chóng to-tát phát-đạt biết chừng nào.

Ga Lộc-yên thì dân-cư đã có bề đông-đúc, chung quanh có mấy cái đồn-điền giồng đủ các thứ chè, cà phê, quả chẩu, bưởi, cam, quế, ước lượng có mấy trăm mẫu-tây mà xem ra cây nào cũng được nhờ khí-hậu mà tươi-tốt lạ thường; bò ở đấy nuôi cũng sinh-sản chóng lắm, có đàn đến năm, sáu trăm con, mà con nào cũng mập-mạp dễ coi, ngay trước của ga mới thiết-lập một cái chợ, ăn vào ngày bốn ngày chín, do mấy nhà đồn-điền xin phép lập lên, ngày phiên xem ra cũng đông-đúc lắm, có khi ăn hết hàng mười mấy con lợn. Quan Công-sứ Hà-tĩnh còn đương trù-liệu phương-sách để đánh một con đường thẳng qua quả núi ở miền trong đồn-điền để các dân-cư ở mé trong quả núi này có đường đem các

sản-vật ra buôn bán, ai nghe thấy cũng đem lòng mong-mỏi, vì dân-cư trong đó với dân-cư ngoài này, bấy lâu bị ngọn núi này ngăn-trở, thành ra sự thương mại cũng vì đó mà bế-tắc, thật là thiệt-hại vô-cùng.

Ga Phúc-trạch có hai từng, mà là chính ở con đường này, nên địa-thế rộng lắm, có các nhà cho máy nghỉ. Nếu con đường này chạy, thì xe lửa sẽ chạy suốt từ Hanoi vào đây mới nghỉ, chứ không nghỉ ở Nghệ như bây giờ. Vì tự Hanoi vào Huế, đây vừa đúng nửa đường. Bởi thế đã có nhà tây-thương mới dựng một nhà khách-sạn rất to ở gần ga. Thế mới biết cách thương-mại của người-tây can đảm thật. Ở đây có đồn khố xanh đóng gần bờ sông, cách nhà ga độ hơn kilomètre ; trước chợ đây to lắm, nhưng vì các chú quyền nhũng-nhiễu, không những mua hà-hiếp, của một đồng chỉ giả năm hào, mà còn làm lắm điều khả-ố, nên đã bỏng đi một độ hàng mấy tháng không ai họp chợ, nay nhân có quan đồn mới đến, tỏ rõ tình hình, bèn ra lịnh nghiêm-cấm, nên kẻ buôn người bán, mới lại lác-đác được mấy chục người, nhưng vẫn có bề lẻ-tẻ quạnh hưu.

Ga La-khê thì núi đá chung quanh bao-bọc, một con đường này đều lấy đá ở đây đem đi giải mà những đá đã đập rồi hãi còn tới bốn vạn thước đứng. Con sông chảy về đây cũng độc lắm, trông suốt, đáy sông, thấy từng hòn đá, mà mầu nước vẫn xanh lè, là vì rừng lim ở trên thượng-lưu chảy về, nếu không có chín ngọn thác ngăn trở, thì gỗ ở rên rừng chỉ chở một ngày đã về tới nơi, nên nay đã có nhà đại-thương xin phép đem cốt-mìn bắn chín ngọn thác này đi để cho tiện đường vận-tải.

Từ đây đến Tân-ấp thì hai bên san-sát toàn rừng, nào khỉ, nào vượn, nhảy-nhót hoa cả mắt, voi cũng nhiều, có khi ra hàng đàn hàng chục con, hổ cũng lắm, có khi ra cả ban ngày, công và gà lôi thì nhiều lắm, chẳng chiều nào đi bắn là không gặp. Đêm đến quanh mình, nào vượn hót chim kêu, voi hét hổ gầm, những người dân đấy họ cho là thường cả, có khi họ trông thấy hổ mà dám vác đòn gánh đuổi theo, như mình đối với con chó dữ vậy.

Câu truyện hầu các ngài đến đây cũng đã dài, còn cái sự ích-lợi về con đường này tương-lai thế nào, các ngài chắc cũng đã đủ hiểu ; vậy ký-giả cũng không giám thêm nhời bình-luận cho thêm rườm.

Hoài-Đông PHAN-HUY-XUYÊN

Hán-văn hàm-thụ

(Trích nhời dẫn-giải ở bài học số 4)

行 行 Phàm cũng là một chữ mà hai chữ đặt theo luôn nhau, nên nhận kỹ nghĩa như sau này :

1. — Nếu những chữ ấy là *adjectif qualificatif* hoặc *adverbe* thời hai chữ đặt liền nhau đó, tức là *locution adverbiale*. Như các chữ ở bài in làm mẫu, 浩 浩 *hiệu hiệu* là *lồng lộng*, 飄 飄 *phiêu phiêu* là *phơi phới*, ấy là hai chữ *adverbe* mà làm thành một *locution adverbiale*. Lại như chữ 高 高 *cao cao* là *cao lắm*. 小 小 *tiểu tiểu* là *nhỏ mọn*, ấy là hai chữ *adcjectif qualificatif* mà làm thành một *locution adverbiale*. Phàm gặp các chữ như thế, đều theo như thế mà nhận nghĩa nhất-định.

2. — Nếu những chữ ấy là *nom* thời hai chữ đặt liền nhau mà cứ mỗi chữ một nghĩa, như 年 年 *niên niên* là *năm nay năm khác*, 日 日 *nhật nhật* là *ngày này ngày khác*, 處 處 *xứ xứ* là *chốn này chốn khác*, 人 人 *nhân nhân* là *người này người khác*. Theo văn Pháp thời những chữ ấy, nghĩa là *tous les ans, tous les jours, tous les pays, tous*—

les hommes. Phàm gặp những chữ như thế, có thể theo như thế mà nhận nghĩa. Tuy vậy, ít khi cũng có khác, như trong sách Luận-ngữ có câu rằng 君君臣臣父父子子 *quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử*, nghĩa là *vua phải đạo vua, tôi phải đạo tôi, cha phải đạo cha, con phải đạo con.* Như thế, cũng là hai chữ *nom* mà chữ trên là *sujet*, chữ dưới là *complément*. Song như câu ấy thực ít thấy.

3. — Nếu những chữ ấy là *verbe* thời chỉ là hai chữ *verbe* đặt đi luôn nhau mà tỏ ra nghĩa nặng-nề, vấn-vương, nhiều thêm tình-tự. Như hai chữ 行行 *hành hành* trong bài rày, nghĩa chỉ là *đi* cả, mà nói một chữ *đi* chưa hết nhời, cho nên lại nói chữ *đi* nữa, để tỏ ý *đi mà còn ngần-ngại*. Suy ra như các chữ 去去 *khứ khứ* là *đi đi*, 來來 *lai lai* là *lại lại*, cũng đều có ý riêng như thế. Tuy vậy, ít khi cũng có khác thời không thể theo như thế làm nhất-định:

Như ở trong kinh Thi có câu rằng 崇墉言言 *Sùng dung ngôn ngôn*, nghĩa là *cái thành của nước Sùng thật cao lớn*, Chữ 言 là *nói*, ở chỗ khác thời là *verbe*, mà hai chữ dùng liền nhau ở câu đó thời là một *locution adverbiale*. Song những câu ấy cũng ít thật.

4. — Nếu những chữ ấy mà là dùng để hết như tiếng các thứ chim, cùng là những vật gì, thời không cứ là *verbe*, *adverbe* hay *nom*, nghĩa đều như nhau cả. Như ở trong kinh Thi, câu 關關雎鳩 *quan quan thư cưu*, hai chữ *quan quan* là hệt như tiếng chim thư-cưu kêu. Thơ cổ của ta có hai câu 鵾鴣鳲家家 *giá-cô minh gia gia* 杜鵑鳴國國 *đỗ quyên minh quốc quốc*, những chữ *gia gia quốc quốc* đó cũng đều là hệt tiếng con giá-cô và con đỗ-quyên. Phàm gặp các chữ đó, đều nên theo thế câu văn mà nhận nghĩa.

Nguyễn-Khắc-Hiếu

Nhời thư của hai chị em gái nhà nghèo khuyên răn nhau

Từ có quốc-văn đến nay, một sự viết thư cũng không dễ; lại nghe có nhiều người nói rằng: « Con gái học chữ quốc-ngữ, phần nhiều chỉ tiện cho sự viết thư tình; còn về bên chánh-đáng mà có ích lợi được thời ít. » Nhân thế, tôi viết chơi một bài thư này; cũng là sự huấn luyện quốc-văn, phù-thực phong-hóa vậy.

TẢN-ĐÀ

. . . . . Le 1 Juillet 1926

Kính thưa Chị.

Nay em có nhời kính chúc Chị bình-an mạnh khỏe, và sự buôn bán được phát-đạt, em mừng. Em cùng các em bé ở nhà, nhờ giời cũng được như thường xin nói để Chị biết. Sau này có mấy lời trung-khúc, xin giã tỏ, mong để Chị xét cho.

Hai chị em ta là phận gái, chẳng may gặp cảnh nhà sa-sút, qua bóng xuân huyên, ba mẫu vườn hoang, một đàn em dại; trên dẫu có các anh nhớn, nhưng đã hèn đốt không bằng ai, lại cờ bạc mê chơi, không tưởng đến cửa nhà của cha mẹ, Bởi thế cho nên việc nhà lo liệu, mới đến Chị cùng em. Từ độ Chị ra ngoài buôn bán, em ở nhà chỉ quanh-quẩn ở trong mấy mẫu vườn, trông nhờ vào những cái rau cái cỏ mà chơi cùng các em bé, qua-quýt tháng ngày. Em nghe

như em, một là không có cái tài buôn bán như Chị; hai là nếu muốn cũng theo Chị ra ngoài buôn bán thời ở nhà lấy ai săn-sóc đàn em. Thế cho nên dẫu rằng túng bấn khó khăn, em cũng chỉ yên phận thôn quê mà vui cảnh gia-đình vậy. Mỗi những lúc nắng hạ khắt-khe, bóng tà bảng-lảng; chiều thu hiu-hắt, gió may lạnh-lùng; em nghĩ càng nhớ đến Chị bao nhiêu mà càng lo cho Chị bấy nhiêu: Một mình thân gái đi ra ngoài, lặn-lội sông ngòi, xông pha sương gió, ngược khuya xuôi sớm, ăn chợ ngủ nhờ; trong tay lưng vốn không có được là bao; bạn hay có ít mà bạn dở thời nhiều. Bao những sự đáng lo nghĩ cho Chị, tức đều là những sự đáng lo nghĩ cho em vậy. Em nghĩ như cảnh nhà ta nay, phần hưng-vượng chỉ trông nhờ vào Chị; nếu chẳng may mà Chị đi ra ngoài, bị yếu bị đau, bị lừa bị dảo, buôn thua bán lỗ, mắc nợ mang công, thời vận nhà đương buổi suy-vi, một mình em biết cùng ai lo tính. Bởi thế cho nên em phải có mấy nhời thưa Chị. Một là xin Chị làm ăn đừng nên bốc vác quá, xuôi ngược đừng nên xông pha quá; sự làm giầu ai cũng muốn chóng, nhưng cũng phải tùy sức lượng vốn, sao cho khỏi sinh lụy về sau. Chị nghe mấy lời em nói dây, chắc cho là em không có cái gan làm giầu, đứng dưới gốc lo cho người trên cây; dẫu Chị có cười em như thế chăng, mà cái lòng em yêu quý Chị thời không thể im đi mà không nói đến vậy. Hai là xin Chị phải cẩn-thận về đường danh-tiết. Xem như các vật trong thế-gian, càng dắn lắm, càng dễ mẻ; càng trắng lắm, càng dễ nhơ. Em thấy con gái trong họ ta, có người xưa kia ở nhà cũng đoan-trang, mà sau khi ra buôn bán ở ngoài về, rồi chẳng khỏi mang tai mang tiếng. Chị nghe những câu em nói đây, chắc cho là em để sau muốn khôn trước, ở trong bồ muốn dạy người kinh-đô; dẫu Chị có gắt em như thế chăng, mà cái lòng em yêu quý Chị thời không thể im đi mà không nói đến vậy. Nghĩ về phần Chị ở ngoài thời em xin thưa Chị như thế; còn về việc nhà sau này thời em lại muốn thưa với Chị rằng: Như nhà ta tuy hiện là trong buổi suy-vi; nhưng nhờ giời còn mấy đứa em giai, nếu chúng nó được chuyên theo về việc học-hành, cũng có thể làm nên con người khá. Nay chúng ta chỉ nên chăm-nom cho các em, gìn-giữ cho khỏi hư, lo liệu cho đủ về việc học; các em khá thời vận nhà tự hay. Còn như sự giầu nghèo của người ta, có người cũng có giời, lúc giời chửa cho hay, dẫu muốn làm giầu cũng khó vậy. Bạn liễu bồ, ân cốt nhục, mấy hàng trân-trọng, xa-xôi Chị có thấu tình!

Nay kính thư

tên ký

Vịnh cái cây ở bên đường phố Hanoi

Đội giời đạp đất đất Thăng-Long,
Đứng giữa trần-ai đã mấy đông.
Cội Lạc cành Hồng vui-vẻ mới,
Mưa Âu gió Á rập-rìu chung,
Khắt-khe ngày hạ, xòe-xoe rợp;
Vồn-vã đêm thu lắc-cắc rung.
Danh lợi bên đường ai mặc kệ,
Tấm lòng tươi héo với non sông.

LƯU-VĂN-THỌ

Phú-thọ

Khuyên anh Giáo

Anh giáo ơi !

Em tiếc cho anh cũng bậc tài-danh, con nhà gia-giáo học-hành lại cũng thông thông.

Anh giáo ơi !

Sóng Âu-châu chàn sang cõi Á-đông, học nho bãi bỏ mà cái ngòi lông gặp lúc suy-đồi.

Anh giáo ơi !

Chỗ danh-gia anh chẳng nhẽ đi bồi, học-hành là nghệ-nghiệp, anh cũng phải theo thời mà học cái chữ Tây.

Anh giáo ơi !

Buổi tàn-trào anh cũng gặp được bước may, dồ bằng tốt-nghiệp anh ra làm thầy cho lũ thiếu-niên.

Anh giáo ơi !

Cái thân anh anh tưởng đã thần-tiên, tháng lương anh mấy chục đồng tiền anh nghĩ đã là to.

Anh giáo ơi !

Kiếp nam-nhi anh chẳng biết lấy làm lo, mà chè sen, rượu cúc, nhà trò anh những mê chơi.

Anh giáo ơi !

Anh mảng vui anh quên bẵng cả việc đời, " hoàng nô ", " hắc quỉ " anh để cái trái-đài ngày một lên cao.

Anh giáo ơi !

Thôi cái nợ tiền-nong anh cũng chẳng sợ chi nào, nợ non nợ nước anh toan tính làm sao bây giờ.

Anh giáo ơi !

Mặt tu-mi sao cho khỏi thẹn với cơ-đồ, này cuộc tương-lai xã-hội cũng trông nhờ vào bọn các anh.

Anh giáo ơi !

Đệ-tử anh là vận-mệnh quốc-dân, anh phải ra tay dạy dỗ cho chúng dân tỉnh khôn.

Anh giáo ơi !

Anh chẳng trông bộn ngày nay họ vào cúi ra luồn, râu-ria mũ áo dã đáng buồn hay chưa ?

Anh giáo ơi !

Em khuyên anh dừng quản chi khi đi sớm, lúc về trưa, văn bài anh nên chăm chỉ, nắng mưa anh cũng chớ ngại-ngùng.

Anh giáo ơi !

Việc trong nhà đã có em trông, dù giăng thanh hay gió thảm em cũng xin dốc một lòng thuyền-quyên.

Nguyễn-ngọc-Liên

6. Phố Cửa-Hậu' Sơn-Tây.

Ngô Việt xuân-thu

NGÔ-TẤT-TỐ DỊCH-THUẬT

HỒI THỨ 1

Lo thù riêng, anh-hùng bạc tóc ; Tỏ gia thực, ngư-phủ gìm thuyền.

Gậm giời có nước đến nay, đã bao nhiêu nước rất nhớn mà mất, bao nhiêu nước đương thịnh hoá suy ; cũng vô-số nước đã mất lại còn, vô-số nước đương suy hoá thịnh. Vậy biết một nước còn hay mất, thịnh hay suy, chẳng quan-hệ ở đất nước nhớn nhỏ ; vận nước tốt sấu vậy. Muốn biết cớ đó tại làm sao, không cần phải tìm xét ở xa rộng, cứ đem một đoạn lịch-sử con con của các nước hầu đời cuối nhà Chu, cũng đủ rõ vậy.

Nhà Chu từ vua Vũ-vương đặt ra phép phong-kiến, đem đất nước chia phong cho các anh em, con cháu và các bề tôi có công, gọi là nước hầu. Trong khi còn thịnh, nước hầu giữ lễ

triều cống, Thiên-tử cầm-quyền trinh chu. Đến khi đã suy, Thiên-tử không đủ sức đàn-chế, nước hầu đều tự-tiện chiến-tranh; nước nhớn lấn nước nhỏ; nước mạnh đè nước yếu; tuy danh là các nước hầu, song chẳng khác gì nước độc-lập vậy. Những nước thường hay tranh-chiến; nhớn thì Ngô, Việt, Sở, Tấn Tống, Tề, Tần, Thịnh, Lỗ, Vệ, vân vân . . . . . nhỏ thì Trần, Sái, Đường, Sào, Quích, Thư, Bộc Hứa, vân vân. . . . Trong các nước ấy, sự tranh-chiến dữ-dội nhất là nước Việt, nước Sở và nước Ngô.

Nước Ngô họ Cơ, là đồng-tính với vua Thiên-tử nhà Chu, các đời vua trước chưa hề tranh-chiến với các nước hầu, sự tranh-chiến của nước Ngô bắt đầu từ vua Thọ-Mộng, mà phần nhiều là tranh-chiến với nước Sở.

Từ Thọ-Mộng qua Chư-Phàn, Dư-Sái, Dư-Muội, trong bốn đời vua ấy, bên Ngô đã nhiều trận tranh-chiến với bên Sở, nhưng mà trận được trận thua, chưa có trận nào kịch-liệt, kịch-liệt nhất là một trận về năm thứ hai vua Liêu (con vua Dư-Muội), con cả Chư-Phàn là công-tử Quang, đánh nhau với quân Sở ở sứ Trường-Ngạn, quân công-tử Quang thua to, bên Sở bắt được một chiếc thuyền Dư-hoàng của vua Ngô vẫn đi.

Từ trận này, quân Sở đánh được quân Ngô, vua Bình-vương lấy làm đắc-chí, truyền lệnh trong nước đóng thuyền, tập quân thủy, sắp-sửa sang đánh nước Bộc (là một nước nhỏ ở gần nước Sở). Bấy giờ có viên nịnh-thần là Phí-Vô-Cực nói với Bình-vương rằng:

— Nước Tấn sở dĩ nên được nghiệp bá là vì ở giữa Trung-quốc. Nước Sở ta ở nơi hẻo-lánh, cho nên không thể tranh với Tấn được. Nếu Đại-vương muốn tranh với Tấn, thời nên đắp to vòng thành Thành-Phủ, cho Thái-tử ra coi, để giao-thông với các nước phía Bắc, mà Đại-vương thời liên-hợp với các nước phía Nam. Như vậy có thể lấy được thiên-hạ, chẳng những làm nên nghiệp bá mà thôi.

Bình-vương lấy làm phải, liền sai đắp thành Thành-Phủ, cho Thái-tử tên là Kiến ra đó chấn-thủ, dùng Ngũ-Xạ làm Thái-phó, Phí-Vô-Cực làm Thiếu phó, Phấn Dương làm Tư-mã, cùng giúp Thái-Tử. Bấy giờ Thái-tử chưa có vợ, Bình-vương lại sai Vô-Cực sang Tần cầu hôn. Vua-Tần cũng muốn kết-liên với Sở, mới gả em gái cho Thái-tử và tức thì cho đưa dâu về Sở. Trong khi đi đường Vô-Cực thấy em vua Tần xinh đẹp, muốn nhân đó lấy lòng vua Sở. Lúc về đến Sở, liền sui vua đưa người em gái vua Tần vào hậu-cung, mà hỏi con gái nước Tề cho Thái-tử.

Từ đó Vô-Cực bỏ Thái-tử về với Bình-vương, lại sợ sau khi Bình-vương tạ-thế, Thái-tử làm vua, tất là hại mình. mới tìm cách dèm pha để hại Thái-tử. Một hôm Vô-Cực nói với Bình-vương rằng:

— Thái-tử vì việc hôn-nhân, thường vẫn oán-hận Đại-vương, thần nghe Thái-tử và Ngũ-Xạ muốn chiếm giữ miền ngoài Thành-Phủ để phản Đại-vương; hiện nay Thái-tử đã sai sứ giao-kết các nước, nước Tề, nước Tấn đã nhận nhời giúp. Việc binh-cơ của Thái-tử có lẽ đã đâu vào đấy rồi, Đại-Vương phải liệu cách phòng-bị.

Bình-vương từ khi lấy em gái vua Tần, tự-nhiên sinh ghét Thái-tử, vẫn sẵn lòng muốn giết, khi ấy nghe lời Vô-Cực, cho ngay là có sự thực, liền đòi Ngũ-Xạ hỏi rằng:

« Thái-tử lập mưu làm giặc, ngươi có biết không? »

Ngũ-Xa thưa :

— Đại-vương ngày trước lấy con dâu, đã là lỗi đạo ; nay lại nghe đứa dèm pha mà ngờ con giai, Thần trộm lấy làm không nên.

Bình-vương nghe nói, giận lắm, liền bắt Ngũ-Xa đem giam, và đòi Phấn-Dương, sai giết Thái-tử. Phấn-Dương đem quân đi, gần đến Thành-Phủ, sai người báo trước cho Thái-tử biết, dặn phải tìm đường đi trốn. Thái-tử được tin thất-kinh, tức thì đem mẹ là Quách Phu-nhân và con là Bạch-Thắng chạy sang nước Tống. Phấn-Dương đi đến Thành-Phủ, thấy Thái-tử đã trốn thoát, sai người Thành-Phủ trói mình đem nộp. Bình-vương thấy Thái-tử chạy trốn, giận lắm, cho là Ngũ-Xa và Thái-tử thực có lập mưu làm phản, toan sai đem giết Ngũ-Xa. Phi-Vô-Cực can rằng :

— Than nghe Ngũ-Xa có hai con giai, con cả là Ngũ-Thượng, tự là Tử-Thượng ; con thứ là Ngũ-Viên, tự là Tử-Tư ; hai đứa đều có tài ngang giời giọc đất. Nếu Đại-vương đem giết Ngũ-Xa, tất chúng phải chạy sang Ngô mà mượn quân báo thù, như vậy thời nước Sở có vạ to. Vậy nay Đại-vương nên giả làm tha tội Ngũ-Xa mà đòi hai đứa ấy về Kinh. Hai đứa cùng là kẻ có hiếu hạnh, nếu thấy nhà vua tha tội cho cha, tất-nhiên về thăm, bấy giờ Đại-vương bắt mà giết đi, thời mới khỏi lo về sau.

Bình-vương nghe lời, liền sai mở ngục giải Ngũ-Xa về triều mà bảo rằng :

— Ngươi sui Thái-tử làm phản, đáng nhẽ chém đầu để răn thiên-hạ, nhưng quả-nhân nghĩ cha ông nhà ngươi, đều có công to với nước Sở, cho nên không nỡ làm tội. Vậy ngươi phải viết thư gọi cả hai con về kinh, quả-nhân sẽ đổi phong quan-chức cho cả hai đứa và tha nhà ngươi về quê cầy ruộng.»

Ngũ-Xa thưa :

— Thần có hai con, thằng nhớn nhân hiền, hiếu nghĩa, nếu nghe thấy gọi, tất nhiên về ngay ; còn thằng thứ hai, thủa nhỏ đã học nghề văn, thủa nhớn lại học nghề võ, nghề văn của nó có thể trị được nhà nước, nghề võ của nó có thể giẹp được thiên-hạ. Nó lại có gan nhẫn-nhục, chịu được những sự lầm-than, khổ-sở, dẫu bị oan-ức cũng không hề kêu-ca than-thở với ai. Nó là đứa tinh-danh quỷ-quái, biết trước hết mọi việc, thằng ấy không thể gọi được.

Bình-vương phán :

— Ngươi cứ viết thư gọi về, nếu nó không về, không phải là lỗi tại ngươi.

Ngũ-Xa biết là Bình-vương dành lừa, nhưng không muốn trái mệnh vua, mới đứng trước đèn thảo bức thư như sau này :

« Thư cho Thượng, Viên hai con cùng biết : Ta vì nóng tính nói thẳng, trái ý Chúa-thượng, phải vào lao-ngục ; may nhờ Chúa-thượng rộng lượng, nghĩ đến công tích tiền-nhân, tha cho tội chết. Lại theo lời quần-thần, lượng công trừ tội, đổi phong quan-tước cho các con. Vậy các con phải sớm sớm về Kinh, chớ có chậm trễ, mà trái mệnh vua, tất là cha con cùng chịu tội.»

Viết song đệ trình. Bình-vương xem qua, truyền lại đem giam Ngũ-Xa, rồi sai Sứ-giả đóng ngựa tứ, đệ phong-thư và hòm ấn, ra Thành-Phủ đòi Tử-Thượng và Tử-Tư về Kinh. Sứ-giả đi đến Thành-Phủ, vào nhà Ngũ-Xa, vừa gặp Tử-Thượng, Sứ-giả làm bộ vui mừng mà rằng :

« Xin chúc mừng hai công-tử.»

Tử-Thượng ngạc-nhiên hỏi :

« Nhà tôi đương vận-nạn, còn có việc chi đáng mừng.»

Sứ-giả liền mở hòm lấy ấn và phong thư, trao cho Tử-Thượng và nói :

« Có việc chi mà vận nạn ? Khi trước nhà vua quá giận, chót đem giam quan-Thái-phó; nay đã biết ngài bị oan, lại sợ bấy lâu cấm-cố một vị trung-thần, tất bị các nước cười chê, hiện đã tha quan Thái-phó, nhắc ngài làm chức Tướng-quốc. Nhà vua lại muốn chuộc lại lỗi trước, nên muốn phong hai công-tử làm tước hầu : công-tử cả làm Hồng-đô-hầu, Công-tử hai làm Cái-hầu, sai tôi đệ ấn cho hai công-tử. Khi tôi sắp sửa ra đây, có đến chào quan Thái-phó. Ngài có nói rằng vì ngài bị giam lâu ngày, mong nhớ hai công-tử, nên mới viết bức thư này, gửi tôi đưa hai công-tử, để giục hai công-tử về Kinh thăm Ngài. Xin công-tử nhận lấy thư và ấn, rồi tìm công-tử hai về đây, sắp sửa hành-trang về Kinh. »

Tử-Thượng đón lấy phong thư, mở ra xem, rồi nói:

« Từ khi cha tôi bị giam đến nay, anh em tôi gan đứt ruột héo, ăn không ngon, ngủ không yên, chỉ sợ cha tôi không sống. Nếu bây giờ cha tôi được tha, chúng tôi đã may lắm rồi, đâu dám thăm nhận quan-tước của nhà vua ! »

Sứ-giả nói :

« Đó là mệnh vua, công tử không nên từ chối. Cứ mau sắm sửa về Kinh, can chi phải bàn bạc lôi-thôi. »

Tử-Thượng nghe nói, liền cầm phong-thư vào nhà trong, bảo Tử-Tư rằng :

« May nay cha được xá tội, nhà vua lại phong anh em mình làm tước Hầu. Sứ-giả đã đệ ấn ra cho, hiện đương ngồi đợi ở nhà ngoài. Hiền đệ cũng nên ra tiếp. »

Tử-Tư ngạc nhiên nói :

« Việc đó khả nghi lắm ! Nói rằng cha được xá tội, may còn có nhẽ ; chớ anh em mình công gì mà được phong hầu ?

— Thủ-thư của cha cũng nói như thế, có lẽ lại sai hay sao ?

— Đó là cha muốn hết lòng trung nghĩa, sợ rằng trong khi bị hình, nếu mà chúng ta còn sống, tất phải báo thù Sở, nên mới viết thư gọi cả về Kinh, cho cùng chết đi, để khỏi làm lo cho nước Sở mai sau ; chớ không phải cha đã được tha.

— Hiền-đệ nói thế, cũng còn là sự ức-đạc, chưa chắc đã dích như thế. Vạn nhất thư ấy quả thực chân tình của cha, mà chúng ta không tin; tội bất hiếu để đâu cho hết ! »

Tử-Tư ngần ngừ mà rằng :

« Để em thử bói một quẻ xem sao ? »

Nói đoạn, Tử-Tư lấy dùa ra bói; bói song, thất kinh mà rằng :

Quẻ này ứng vào vua lừa tôi, cha dối con; nếu về thời chết, chứ không phải có hầu với bá gì đâu.

— Tôi có thiết chi phong hầu, mong muốn chóng thấy mặt cha đó thôi.

— Nước Sở nay chưa dám đem cha làm tội, là còn sợ có hai chúng ta; nếu chúng ta lù lù về Kinh thăm cha, tất bị giết cả. Thế thời mình về thăm cha, lại làm cho cha đoản thọ mà thôi !

— Cái tình cha con không kể đến sự sống chết ; nếu mà con trông thấy cha, cha trông thấy con, dẫu chết cũng cam. »

Tử-Tư thở giài mà rằng :

« Cùng chết theo cha, cũng chẳng ích gì; vả lại có hai anh em chết cả, thì sau này, oan thù ai báo cho, sỉ nhục ai rửa cho. Thôi bây giờ sự đã thế này, nếu anh quyết chí về Kinh thời em cùng anh vĩnh biệt từ đây; chứ không thể nào mà theo anh được. »

Tử-Thượng khóc mà rằng :

« Vậy thì hiền-đệ định đi đâu ?

Nếu nước nào có thể nhờ để báo thù được thời em đi đến.

— Hiền đệ nghĩ cũng phải ! Ta cũng biết tài của hiền đệ hơn ta nhiều lắm.

chỉ có thể chết theo với cha, mà hiền-đệ thời có thể báo thù cho cha được. Tin cha đã gọi, không đi thăm, sao phải là con : có cha bị oan, không báo thù, sao gọi là hiếu. Thôi thời ta phải nhận chết theo; hiền-đệ nhận việc báo thù. mỗi người mỗi việc, ai theo chí người nấy, thế mới trọn đạo làm con. »

Tử-Thượng nói đoạn, gạt nước mắt ra tiếp Sứ-giả và nói :

« Em tôi gàn quá, nhất định không nhận quan chức ; tôi đã ép mãi không được, xin ngài thứ cho. »

Sứ-giả không thể sao được, phải cùng Tử-Thượng lên xe về Kinh. Tới nơi, Sứ-giả đem Tử-Thượng vào yết Bình-vương. Bình-vương sai bắt đem giam. Khi đó Ngũ-Xa ngồi trong ngục trông thấy Tử-Thượng, ngậm ngùi than rằng :

« Ta cũng biết thằng Viên không về. Thôi vua quan nước Sở, từ nay mà đi sẽ cùng ăn không ngon, ngủ không yên. »

Trong khi Tử-Thượng vào Triều. Phí-Vô-Cực đứng cạnh, không thấy Tử-Tư liền tâu với Bình-vương rằng :

« Ngũ-Viên nay còn ở nhà, nên kíp sai người đi bắt nếu chậm, tất hắn chốn mất. »

Bình-vương nghe lời, liền sai Đại-tướng là Vũ-Thành-Hắc đem hai trăm tinh-tốt đi bắt Tử-Tư.

Tử-Tư từ khi Tử-Thượng đi khỏi, biết là cha anh tất cùng bị hại, liền vào nhà riêng bảo với vợ là Giả-thị rằng :

« Tôi vì cha anh bị tội, tất phải chốn đi nước khác, mượn quân để báo thù. Hiện nay việc đã cấp bách, kkông thể đoái nghĩ đến phu-nhân được nữa, chẳng biết sau khi tôi đi, phu-nhân liệu định làm sao?

Giả-thị trừng mắt mà rằng :

« Công-tử đường đường một đấng trượng-phu, đương lúc cha anh bị nạn, khéo bụng giạ đâu mà lo cho kẻ đàn bà ! Công-tử đi đâu cứ đi, không phải nghĩ gì đến thiếp ! »

Giả-thị nói đoạn, vào phòng tự ải. Tử-Tư thương xót quá chừng, sai người khâm liệm an táng. Táng song, Tử-Tư thay bộ áo trắng, sách hành lý, đeo cung cắp gươm cất lên ra đi.

Tử-Tư đi độ nửa ngày rồi, quân Sở mới ra đến nơi. Vũ-Thành-Hắc vây nhà tầm nã, không thấy Tử-Tư, liệu rằng Tử-Tư đi cũng chưa xa, tức khắc đóng xe đi đuổi. Đuổi độ ba dặm, đến quãng đồng không, gần kịp Tử-Tư. Tử-Tư thấy có xe đuổi, quay lại, dương cung đặt tên, bắn chết người đánh xe, rồi lại chĩa cung nhằm Vũ-Thành-Hắc. Hắc sợ hết vía nhảy vọt xuống xe chạy chốn. Tử-Tư cài cung vào đai, rồi gọi to rằng :

— Vũ-Thành-Hắc ! Tao hãy sinh phúc cho bay. Bay phải về bảo Bình-vương nhà mày nếu muốn còn nước, lập tức tha cha anh tao. Nếu không tha thì chẳng bao lâu nước Sở nhà bay sẽ thành gò bãi. »

Tử-Tư nói rứt lời, quay mặt lại đi.

Vũ-Thành-Hắc cũng lên xe giở lại, thu quân về Kinh, vào Triều tâu với Bình-vương. Bình-Vương tức lắm, truyền bắt Ngũ-Xa và Ngũ-Thượng đem chém, rồi sai Tả-tư-mã là Thẩm-Doãn-Tuất đốc dẫn 3000 tinh kỵ đi bắt Tử-Tư.

Tử-Tư khi ấy tha Vũ-Thành-Hắc, đi một mạch đến giải Trường-giang, cứ theo ven sông mà đi, chốn tới một nơi rừng vắng. Khi Thẩm-Doãn-Tuất dẫn quân đến bờ sông, tầm nã các nơi không thấy Tử-Tư, về tâu với Bình-vương. Bình-vương hỏi quần-thần có mẹo gì bắt được Ngũ-Viên. Phí-Vô-Cực tâu :

« Thần có một kế, có thể khiến cho Ngũ-Viên tuyệt hết các đường ».

Bình-vương hỏi kế ra làm sao ? Vô-Cực tâu :

« Xin Đại-vương một mặt yết bảng cho dân-gian biết rằng :

Bất cứ người nào, hễ bắt được Ngũ-

Viên đem nộp, thời thưởng năm vạn hộc thóc, phong tước làm Thượng đại-phu. Nếu kẻ nào chứa chấp hoặc buông thả cho đi, thời cả nhà sử tội trảm. Lại nghiêm sức các nơi bến đò cửa ải, phàm những hành khách qua lại, phải khám xét cẩn thận, rồi sẽ cho đi. Một mặt sai sứ nói với các nước, xin dừng dong-nạp Ngũ-Viên. Như vậy thời hắn hết đường tiến thoái, dẫu chẳng bắt được, nhưng hắn cũng thế cô, chắc không làm được trò gì.»

Bình-vương nghe lời, truyền lệnh viết bảng và vẽ hình dáng Tử-Tư, treo khắp các nơi bến đò, cửa chợ, và sai Đại-tướng là Vỉ-Việt đem quân đóng tại Chiêu-quan, đón bắt Tử-Tư.

Tử-Tư khi ấy ở trong rừng, ngẩng mặt lên giời khóc rằng:

« Giời ơi! Nước Sở tàn-bạo, giết oan cha anh nhà tôi, giời có biết cho hay không? lạy giời phù hộ cho tôi, để tôi nhờ được binh-lực chư hầu, sửa tội cho kẻ vô đạo: »

Tử-Tư than khóc, hồi lâu, rồi đi qua cánh rừng sang bên kia, tới một con đường cái, chợt gặp một người bạn tên là Thân-Bao-Tư đi sứ mới về. Bao-Tư vội-vàng xuống xe chào, rồi hỏi Tử-Tư đi đâu mà một mình tới đó. Tử-Tư đem việc Bình-vương giết oan cha anh mình, vừa khóc vừa kể cho Bao-Tư nghe. Bao-Tư nghe đoạn, thất kinh hỏi:

— Thế bây giờ anh định đi đâu?

— Tôi định chốn đi nước khác, mượn quân đánh Sở báo thù. Việc đó anh nghĩ thế nào?

— Anh hỏi tôi câu ấy, khó cho tôi lắm; nếu tôi bảo anh phải báo thù, thời là bất trung với vua; nếu tôi bảo anh đừng báo thù thời là vô tình với bạn. Thôi việc đó cứ tùy ý anh, tôi không biết giả nhời anh thế nào cho phải.

— Tôi nghe cái thù bè bạn thời không ở chung một làng; cái thù anh em thời không ở chung một xứ; cái thù cha mẹ thời không séo chung một đất, đội chung một giời. Bởi vậy tôi muốn nuốt sống thi Bình-vương, xé tan sác Vô-Cực, cho thỏa cái dận của tôi. Nếu không được thế, tôi thề chẳng đứng ở trong trời đất! »

— Anh làm cho nước Sở mất; tôi làm cho nước Sở còn. Anh làm cho nước Sở nguy; tôi làm cho nước Sở yên. »

Nói đoạn, hai người biệt nhau. Bao-Tư về Sở, Tử-Tư chốn sang nước Tống, tìm vào ở với Thái-tử Kiến. Ở được ít lâu, nước Tống có loạn họ Hoa, cầu viện bên Sở, vua Sở sai một viên Đại-tướng đem quân sang cứu. Tử-Tư nghe được tin ấy, biết rằng nước Tống không ở được nữa, mới bảo Thái-tử Kiến đem mẹ và con cùng chạy sang Trịnh. Trịnh-bá vốn biết tiếng Tử-Tư là bậc anh hùng hào-kiệt, giòng-rõi trung-thần, thường vẫn có lòng hâm-mộ.

Khi Tử-tư và Thái-tử Kiến ở Tống chạy sang Trịnh, vua Trịnh rất lễ kính. Sau vì Kiến thông-mưu với Tấn, toan làm nội-ứng cho Tấn đánh Trịnh. Tử-Tư can không nghe. Việc đó tiết-lộ, Kiến bị vua Trịnh giết, Tử-Tư sợ vạ lây, chốn ra ngoài thành, bơ vơ không biết đi đâu, phải đánh liều quay về Sở để đi sang Ngô. Khi đi gần đến Chiêu-quan, Tử-Tư vào rừng tạm nghỉ. Đương lúc ngồi buồn nghỉ ngơi chợt thấy một ông cụ già trống gậy đi thẳng vào rừng, vái chào Tử-Tư. Tử-Tư vội-vàng đứng dậy vái giả. Ông già hỏi:

« Ông có phải là người họ Ngũ đó không? »

Tử-Tư giật mình hỏi lại:

« Sao Tiên-sinh lại hỏi tôi câu ấy?

— Lão thấy trên cửa ải có bức tranh Ngũ-Tử-Tư, hình-giáng y như ông, cho nên lão hỏi như vậy. Thôi ông cũng bất-tất phải giấu diếm, hãy vào chơi tạm nhà lão, lão sẽ có truyện thương nghị. »

Nói đoạn cụ già quay mặt trống gậy đi. Tử-Tư biết ông cụ không phải người thường, cũng theo đi. Đi độ vài dặm, ông già giắt Tử-Tư vào trại cỏ gianh, lên nếp nhà lá, qua lần cổng phên, sang khu vườn tre, đến một tòa nhà đắp bằng đất, cửa vào thấp hẹp, cúi đầu mới đi lọt, trong nhà có bàn, ghế, giường, chiếu, hai bên có để cửa sổ. Ông già mời Tử-Tư vào hỏi :

« Có phải túc-hạ đích là Ngũ-công-tử đó chăng ? bây giờ túc-hạ định đi đâu ? »

Tử-Tư đáp :

« Phải tôi chính là Ngũ-Tử-Tư, vì có thù to mấy vua Sở, muốn chốn sang Ngô mượn quân báo thù, nhưng thấy tiên-sinh là bực Trưởng-giả, nên không giám dấu. Xin tiên-sinh đừng tiết-lộ với ai. »

— « Xưa nay lão chỉ cứu người, chưa hề có bụng hại người ; túc-hạ ở đây nửa năm, một năm cũng chẳng ai biết. Nếu túc-hạ muốn chốn sang Ngô, thời khó lòng đi thoát, vì cửa ải canh phòng nghiêm-nhặt lắm, tất phải có kế vạn-toàn mới qua lọt. »

— « Tiên-sinh có lòng thương mà chỉ-giáo cho, tôi thật đội ơn khôn xiết. Xin Tiên-sinh cho tôi được biết họ cao tên cả. »

-- « Lão là Đông-Cao-công, trước vẫn làm nghề thầy thuốc, dong chơi khắp trong nước, từ khi tuổi già về ẩn ở đây. Nhân hôm nọ lên ải thăm bệnh cho Vi-Tướng-quân, trông thấy tranh và bảng treo ở trên ải, mới biết túc-hạ đương bị nã. Lão cũng trọng túc-hạ là bậc hiếu-hạnh, để lão nghĩ giúp một kế, khiến cho túc-hạ ra lọt cửa ải. »

-- « Nếu Tiên-sinh có kế gì, cứu cho tôi ra thoát Chiêu-quan, sau này sẽ xin trọng báo. »

— « Được, túc-hạ không ngại cứ khoan tâm ở đây với lão, thế nào rồi cũng có khi đi thoát. »

Tử-Tư xin vâng, ở đó luôn bảy ngày; ngày nào Đông-Cao-công cũng thết đãi trè chén, tuyệt không bàn đến việc qua ải ra làm sao ? Tử-Tư nóng ruột, một hôm Tử-Tư bảo Đông-Cao-công rằng :

Tôi còn vướng cái thù to trong bụng, coi một khắc như một năm ; nay cứ lần lữa ở đây, có khác gì người đã chết ? Tiên-sinh là bậc cao-nghĩa, há chẳng thương tình hay sao ? »

— « Việc đó lão đã nghĩ kỹ, tất phải đợi một người nữa mới song ; để đêm nay lão cố đi mời người ấy đến đây cùng dúp túc-hạ. »

Mặt giời tà tà, Đông-Cao-công lững-thững trống gậy đi. Một lát xương tỏa đầy rừng, trong nhà xầm tối. Tử-Tư ngồi một mình nghĩ quanh nghĩ quẩn, muốn liều chốn đi, lại sợ quan ải nghiêm nhặt ; muốn tạm ở đấy, lại sợ ngày tháng hao mòn ; phần thời lo đi lọt cửa ải, lại còn đường đất sang Ngô, phần thì lo sang được nước Ngô, lại còn công việc đánh Sở, phần thời sót nỗi cha anh bị oan, cửa nhà tan-nát, vì thế gan ruột bồn-chồn nóng nẩy, tưởng như ngồi trong đống gai hết dậy lại nằm, hết nằm lại dậy, bâng-khuâng trằn-trọc, xuốt đêm không chợp mắt lúc nào, chợt thấy sáo-xác chim kêu, vừng-đông đã mọc, cánh cửa sịch ngỏ, Đông-Cao-công lúm-khúm bước vào, trông thấy Tử-Tư thất kinh hỏi :

« Sao hôm nay túc-hạ đầu tóc trắng sóa ? hay là lo nghĩ quá độ mà sinh ra thế ? »

Tử-Tư ngạc nhiên lấy gương soi, quả nhiên hai mái tóc đều bạc phơ phơ, bèn quăng gương xuống đất, thở dài mà rằng :

« Chút việc chưa nên, mái đầu đã bạc ! Giời hỡi giời ! »

— « Túc-hạ chớ lo, đó là điềm hay của túc-hạ đấy. »

— « Sao Tiên-sinh lại bảo là điềm hay? »

— « Túc-hạ tướng-mạo hùng-vĩ, ai trông cũng biết, nay trông đầu tóc trắng bạc đi thế, so với bức tranh trên ải, thời khác nhau lắm, chắc có thể che mắt được những lính giữ ải. Vả lại người bạn của lão sắp đến, mẹo của lão cũng đã nghĩ song, ngày hôm nay túc-hạ có thể ra lọt Chiêu-quan. »

— « Mẹo của Tiên-sinh ra làm sao, xin Tiên-sinh cho biết. »

— « Lão có người bạn tên là Hoàng-Phủ-Nột, khổ mặt y như túc-hạ. lão bảo ông ta giả làm túc-hạ; túc-hạ thì giả làm kẻ mang hành-lý cho ông ta, cùng đi lên ải, chắc là ông ta bị bắt. Trong khi nhốn nháo túc-hạ sẽ có thể thừa cơ mà lẻn qua cửa ải. »

— « Mẹo của Tiên-sinh thời khéo thật, nhưng mà lụy đến quý-hữu, bụng tôi không đành. »

— « Cái đó không hề chi. Nếu ông ta bị bắt, rồi sau lão lại có cách gỡ cho ông ta. Vả lại việc do lão đã kể hết đầu đuôi với ông ta; ông ta cũng là một người khẳng-khái, nghe lão nói nhận ngay không chối. Túc-hạ bất-tất phải quản-ngại. »

Đương nói truyện thì Hoàng-phủ-Nọt vừa vào, ba người chào nhau ngồi đoạn, Tử-Tư nhìn Hoàng-Phủ-Nột quả nhiên giống khổ mặt mình, trong bụng hơi mừng. Trò truyện hồi lâu, Đông-cao-Công lấy thuốc nước bảo Tử-Tư rửa mặt, rửa song tự-nhiên nhan-sắc đổi khác. Chiều tối hôm ấy Đông-cao-Công bảo Tử-Tư đổi áo cho Hoàng-phủ-Nột rồi lấy áo ngắn lót mình của Hoàng-Phủ-Nột mặc làm áo ngoài. Sắm xửa đâu đấy, Tử-Tư từ tạ Đông-cao-Công, mang hành-lý theo Hoàng-Phủ-Nột trông về phía đông mà đi. Mờ mờ sáng tới Chiêu-quan, cửa vừa mở, hai người bước sấn lên ải. Lính canh cửa thấy Hoàng-Phủ-Nột hình-dáng y như bức tranh trên ải, vả lại có dáng run sợ, cũng xúm lại bắt rồi phi báo cho Vỉ-Việt, Vỉ-Việt tức khắc tế ngựa xuống, xa trông thấy mặt Hoàng-Phủ-Nột, cho ngay là Ngũ-Tử-Tư, quát quân sĩ trói giải về dinh. Hoàng-Phủ-Nột giả cách run sợ, kêu van xin tha. Trong khi bấy giờ tướng-sĩ trên ải và nhân dân trong ải, nghe thấy bắt được Tử-Tư, kẻ lấy làm mừng người lấy làm thương, thì nhau kéo đến xem mặt. Tử-Tư thừa cơ lẻn ngay vào chỗ đông người, rồi lảng-vảng bước lần sang bên kia. Khi ấy Tử-Tư ăn mặc khác xưa, đầu tóc khác xưa, xắc mặt khác xưa, cho nên không ai nhận biết; vả lại quân sĩ trong ải đều cho là bắt được Tử-Tư rồi, thời xự khám xét cũng không cần lắm. Vì thế khi quân-sĩ chói bắt Hoàng-Phủ-Nột, Tử-Tư đã ra khỏi cửa ải.

Hoàng-Phủ-Nột bị giải về dinh, Vỉ-Việt truyền lấy cung trạng rồi sẽ giải về Kinh-đô. Nột cãi rằng:

« Tôi là Hoàng-Phủ-Nột, ẩn-sĩ ở núi Long-đông, muốn theo một người cố-nhân tên là Đông-cao-Công qua ải sang đông chơi, chưa hề can-phạm điều gì? có sao bị bắt? »

Vỉ-việt nghe tiếng nghĩ thầm: Ngũ-viên mắt sáng như điện, tiếng kêu như chuông, người này khổ mặt thời giống mà sao tiếng nhỏ mắt bé, hay là hắn độ này dầu giãi xương gió mà sinh ra thế. Đương khi nghi hoặc, chợt thấy báo có Đông-cao-Công đến chơi. Vỉ-Việt truyền giải phạm-tù đi một nơi, rồi mời Đông-cao-Công vào. Ngồi đoạn Đông-cao-Công nói:

« Nghe nói tướng-quân mới bắt được «Ngũ-Viên, nên lão-phu đến mừng.

— « Vâng, quân-sĩ chúng tôi có bắt được một người khổ mặt y như Ngũ-

Viên, nhưng hắn vẫn chưa chịu cung nhận.

— Tướng-quân cùng cha con họ Ngũ, cùng làm quan một triều, lại không thuộc mặt hay sao, mà còn phải đợi cung nhận.

— Ngũ-Viên xưa tiếng to mắt sáng mà người này mắt bé, tiếng khàn, tôi ngờ hắn tiều-tụy đã lâu cho nên mất phong-dạng cũ.

— Lão-phu cũng biết mặt Ngũ-Viên, xin tướng-quân cho coi xem có phải không.»

Vỉ-việt truyền tả hữu giải phạm-tù đến. Hoàng-Phủ-Nột trông thấy Đông-cao-Công, kêu to lên rằng :

« Ông hẹn tôi qua ải đi chơi, sao không đến sớm, để cho tôi khổ nhục thế này ! »

Đông-cao-Công vừa cười vừa bảo Vỉ-Việt rằng :

« Tướng-quân nhầm rồi, ông này là bạn đồng-hương với tôi, tên là Hoàng-Phủ-Nột, rủ tôi cùng sang đông chơi, có đính-ước đón nhau ở Chiêu-quan này, hiện có giấy thông-hành đây. Tướng-quân không tin thời xin coi qua. Thực không phải là Ngũ-Viên.»

Nói đoạn, Đông-cao-Công thò túi lấy giấy thông-hành đưa trình Vỉ-Việt. Vỉ-Việt xem song, sấu hổ đỏ mặt, cồi chói cho Hoàng-Phủ-Nột và nói :

« Đó là tiểu-tốt chúng nó vô ý nhận nhầm, xin Tiên-sinh dừng chấp.

Đông-cao-Công nói :

« Tướng-quân vì Triều-đình giữ phép, lão-phu đâu giám chấp trách.»

Vỉ-Việt sai người đặt tiệc khoản đãi, rồi lại tặng tiễn rất nhiều vàng bạc để làm lộ-phí.

Đông-Cao-công và Hoàng-Phủ-Nột tạ ơn, rồi cùng đi ra cửa ải. Hai người đi khỏi, Vỉ-Việt truyền lệnh tướng sĩ trên ải phải canh phòng khám xét nghiêm-nhặt như trước, chớ để cho Ngũ-Tử-Tư chốn thoát.

Tử-Tư ra khỏi Chiêu-quan, gấp sức đi thật nhanh, đi được vài dặm, sẩy gặp một tên tiểu-tốt quen mặt Tử-Tư, hiện đương làm lính canh ở Chiêu-quan ; tên tiểu-tốt trông thấy Tử-Tư, thất kinh hỏi.

« Nhà vua tìm công-tử ngặt lắm, cớ sao công-tử ra lọt cửa ải ?

Nhà vua sở-dĩ bắt ta, là chỉ vì muốn lấy hòn ngọc của ta đó thôi, nhưng hòn ngọc ấy ta chót đưa cho người khác ; nay phải đi lấy về để nộp nhà vua. Việc đó ta đã trình qua viên chủ-tướng trên ải, vì thế chủ-tướng mới cho đi.»

Tên tiểu-tốt nghe nói tưởng thật, cũng không dám bắt Tử-Tư. Tử-Tư đi một mạch tới bến Ngạc; trông thấy giòng nước mông-mênh, sóng cồn vạn mẫu, mà dưới sông thuyền bè không có, đường không biết làm thế nào mà sang được bên kia sông. May đâu, có người Ngư-phủ vừa ở hạ-lưu ngược thuyền lên. Tử-Tư mừng mà rằng : « Giời không tuyệt mạnh ta đó », liền cất tiếng gọi :

« Cho tôi sang với, ông Ngư-phủ cho tôi sang với !»

Ngư-phủ nghe tiếng, nghĩ thầm : « Giấc mộng của mình đêm hôm qua, có lẽ ứng vào người này chăng ?» Nguyên đêm trước người Ngư-phủ ấy mơ thấy xao tướng-tinh bị một đám mây che lấp, tự nhiên sa vào trong thuyền. Lúc tỉnh dậy, Ngư-phủ đồ là ngày hôm sau tất có vị khách khác thường chốn nạn đi qua sông. Lại sực nhớ độ trước có thấy nước Sở huyền thưởng, bắt Ngũ-Tử-Tư, thời người bị nạn ấy có lẽ là ông ta. Vì thế mới chở thuyền lảng-vảng ở đó để đưa sang sông. Khi đó nghe thấy tiếng gọi rật-giọng, Ngư-phủ đồ chừng là Ngũ-Tử-Tư, đã toan lái thuyền vào

bến cho sang ; chợt thấy trên bờ có người đi, mới quay thuyền ra, cất tiếng hát rằng :

« *Vừng giang hồ mọc, bóng mặt giời hồ sẽ ngang đầu.* »

« *Cùng ai cùng hẹn, ở cái vũng nước chốn rừng lau ven bờ.* »

Tử-Tư nghe hát biết ý, mới theo giải bờ sông đi xuống, nấp vào trong bụi lau, Ngư-phủ suôi thuyền đến đó, trông trên bờ không thấy bóng người, lại hát rằng :

« *Mặt giời sẽ, lòng ai vẫn vơ.* »

« *Bóng giang hồ mọc ông khách kia đợi đến bao giờ, ông mới sang sông.* »

« *Đương khi sự-thế ngại-ngùng.* »

Tử-Tư nghe thấy tiếng hát, ở trong bụi lau chui ra. Ngư-phủ ghé thuyền cho xuống, rồi chèo thuyền sang ngang. Khi đã tới bến, Ngư-phủ thấy Tử-Tư có dáng đói mệt, mới bảo rằng .

« Ông hãy đợi tôi ở dưới gốc cây liễu này, để tôi đi kiếm lưng cơm ông sơi..»

Nói đoạn, buộc thuyền dưới gốc cây liễu, rồi đi tắt vào trong làng. Tử-Tư ngồi đợi lâu không thấy đến, trong bụng nghĩ thầm : « Lòng người khó lường, chắc đâu họ không dủ nhau bắt mình. » Mới nấp vào trong bụi hoa lau thật kín, để dò xem sao, một lát thấy Ngư-phủ lếch thếch đem rổ cơm chiêm, liễn canh cá và một lọ nước đến gốc cây liễu, không thấy Tử-Tư, lại hát rằng :

« *Khách rừng lau, ơi hỡi ông khách trong rừng lau.* »

« *Đương khi khốn quẫn, sao ông lại ngờ nhau như thế này?* »

Tử-Tư nghe tiếng, thưa rồi bước ra. Ngư-phủ hỏi :

« Tôi thấy ông có dáng đói mệt, muốn kiếm lưng cơm để ông sơi tạm ; ông lại e lệ, là ý làm sao? »

« Tôi có e lệ gì đâu, chỉ vì tính-mệnh của tôi xưa kia thời chắc ở giời ; bây giờ thời ở trong tay trượng-nhân . . . . »

Ngư-phủ đem cơm canh đến. Tử-Tư ngồi ăn dưới gốc cây liễu ; ăn xong, cởi thanh kiếm đeo ở trong mình ; trao cho Ngư-phủ và nói :

« Thanh bảo-kiếm này là của Tiền-vương ban cho tiền-nhân nhà tôi đã ba đời nay ; ở trong có bẩy ông xao, giá đáng một nghìn lạng vàng. Nay xin kính tặng trượng-nhân. »

Ngư-phủ hỏi :

« Ông có phải là Ngũ-Tử-Tư không ? »

Tử-Tư ngần ngừ đáp :

Phải, Ngũ-viên là tôi.

— Tôi nghe nước Sở có hạ lệnh rằng : nếu ai bắt được Ngũ-Tử-Tư thời thưởng năm vạn hộc thóc, phong tước làm Thượng-đại-phu. Vậy thời thóc năm vạn hộc, quan Thượng-đại-phu, mà tôi cũng còn không thiết ; há lại tham cái thanh kiếm của ông hay sao ? Vả lại anh-hùng mất kiếm, lấy gì mà chơi ! Ông cứ để lại mà dùng, tôi không dám nhận. Mà ông cũng nên đi ngay ; nếu chậm trễ tất bị quân Sở bắt được. »

— Trượng-nhân đã chẳng nhận thanh kiếm, xin trượng-nhân cho biết tên họ.

Ngư-phủ nói :

« Ông thù vua Sở, tôi tha giặc Sở, đôi bên cùng là giặc cả. Ngày nay vơ-vẩn, đôi giặc gặp nhau ; biết nhau thời thôi, làm gì tên với họ. Vả lại tội vẫn sinh-nhai bằng nghề chài lưới ; lênh-đênh mặt bể mặt sông ; biết có khi nào ông lại gặp mặt ; mà có gặp mặt chăng nữa, ông cứ là khách rừng lau, tôi cứ là lão thuyền chài, như thế cũng đủ tình nghĩa. »

Ngư-phủ nói đoạn, Tử-Tư tạ ơn rồi đi, đi vài bước lại quay lại bảo Ngư-phủ rằng :

« Nếu truy binh tới bến, xin trượng-nhân

kín cho. »

Mặt Ngư-phủ ngửa lên giời mà rằng :

« Tôi làm ơn cho ông, mà ông vẫn cứ ngờ tôi. Nếu bây giờ ngẫu-nhiên truy binh tới bến thời bụng tôi tỏ làm sao được! Nhưng thôi, ông cứ đi đi. »

Tử-Tư đi một quãng lại ngoảnh lại trông, thời Ngư-phủ đã cởi thuyền chèo ra dữa sông đánh đắm thuyền mà tự gìm mình xuống sông.

Tử-Tư thấy vậy, than rằng :

Ngũ-Viên gặp Ngư-phủ ~~gặp~~ thời sống Ngư-phủ gặp Ngũ-Viên thời chết ; sau này biết báo ơn vào đâu ! » (còn nữa)

瑣事之部

Nghìn năm non Thúy ông Từ-Đạm

Ai thử qua tỉnh Ninh-Bình, chơi Thúy-sơn, thấy đường núi dễ chèo, phong-cảnh mới-mang; lại có nhiều chỗ đá mới tạc : có chỗ là bài thơ, có chỗ như để ngồi đánh cờ, có chỗ như để ngồi câu cá, có chỗ như để ngồi xem sách mà dưới lại có hai cái vết bàn chân to. Cứ người ở tỉnh ấy nói truyện thời đó là từ năm xưa, khi ông Từ-Đạm đương làm Tuần-phủ Ninh-Bình, Ngài có quyên tiền trong hàng tỉnh để xửa sang như vậy. Quả như vậy, thời quan tuần Từ có thể là nghìn năm non Thúy vậy.

Giang sơn phong cảnh, là của chung xã-hội, không phải là cái núi non bộ ở nhà ai. Vậy mà ai tự lấy ý riêng mà bầy đặt xửa sang, kể cũng đã là không phải ; lại đến tạc hai chân cho lưu truyền dấu vết, nghĩ chẳng là quá-đáng lắm ru ! Vì hai cái vết bàn chân đó mà khiến cho xã-hội có thơ rằng :

« *Quan-lớn năm xưa đục bốn vần,*
« *Ngày nay quan-lớn đục hai chân.*
« *Khen cho đá cũng già gan nhỉ !*
« *Đứng mãi cho quan đục mấy lần !* »

Bài thơ đó không biết của ai, không chê trách gì người đục chân, mà chỉ thương hại cho đá ; thật biết phong-cảnh của giang sơn là đáng tiếc mà nhời thơ cũng vẻ phong-tao. Núi Thúy-sơn xưa là nơi cao ẩn của ông Trương-hán-Siêu, mà nay có vết chân ông Từ-Đạm, cho nên khiến cho người đăng lâm, ngậm ngùi thảo thạch, mà phát ra thơ ca. « *Thanh sơn hữu hạnh mai trung cốt, bạch thiết vô cô chú ninh thần.* » Nhớ đến câu thơ của người xưa, càng thêm tưởng nghĩ vậy:

Lại nghe thiên-hạ đồn rằng : nhân ngày lễ thọ đức Quốc-thái mà quan tuần Từ có ra câu đối thưởng rằng : « *Tiệc thọ năm mươi mừng mẹ nước*» mà có người đối rằng:

« *Lễ thầm ba chục chết cha dân.* » Câu đối đó thực tỏ ý chế riễu. Song nghĩ như quan tuần Từ là khoa-mục xuất thân, lại đường đường một vị trọng thần, nhẽ đâu có như nhời câu đối đó ; chẳng qua hoặc cũng vì một sự đục chân ở Thúy-sơn mà khiến cho sĩ phu ở Ninh-Bình đem lòng cam giận như thế chăng ? Quan tuần Từ đã có gan đục chân vào Thúy-sơn thời hẳn cũng không cần chi dư luận ; mà việc đó đã rồi, Bản-chí cũng không có sức nào bổ-cứu. Chỉ sợ con như những núi khác, nhất là như Hùng-sơn, mà hoặc cũng bị đục cả như thế, thời giang sơn còn có ra sao ! Vậy nên có một bài thời-sự đây, để hoặc ai có muốn bắt-chiếc như ông Từ-Đạm, cũng nên nghĩ đến chữ *trăm năm bia đá thời mòn . . .*

香喝書店
HƯƠNG HẠT THƯ ĐIỂM

92, *Boulevard Bonnal, HAIPHONG*

Sách vở giấy bút

Bán sách vở giấy bút các tiểu thuyết Quốc-văn và các sách học chữ Tây, tiểu-thuyết Pháp văn buôn ở Tây sang.

Tạp-hóa Đông-Tây

Các thứ tạp-hóa buôn ở bên Tây sang và các đồ dùng.

Cao đơn hoàn tán

Có bán các thức thuốc gia-truyền kinh-nghiệm rất thần hiệu.

Mạ vàng mạ bạc

Mạ vàng, mạ bạc, tráng gương, bán các đồ nữ trang bằng vàng bạc mạ.

Cải-lương đối trướng

Làm các bức trướng các câu đối cải-lương đủ các kiểu dùng để mừng phúng rất rẻ và làm rất kỹ.

Đại-lý các hiệu thuốc

Đại-lý bán thuốc cho nhà SINH-HÒA-ĐƯỜNG, BÀNH-THỌ-ĐƯỜNG, TỪ-NGỌC-LIÊN

Hai hiệu sách có tiếng

Hiệu **Văn-Bình** ở phố Đệ-Nhị tỉnh Thái-Bình và hiệu **Văn-Hải** ở phố Đông-Thị tỉnh Hải-Dương là hai hiệu sách đã có tiếng trong hai tỉnh, chuyên bán về các thứ sổ, sách, giấy, bút, mực, tây, tầu, quý-khách xa gần trong hai tỉnh ai ai cũng đều biết tiếng.

Hai hiệu chúng tôi lại có bán đủ đồ dùng để kiến điền, các thứ giấy để họa đồ-bản, cùng giấy tiểu-đơn để khai điền thổ, các sổ sách giấy má dùng trong Hương-Hội cải-lương, đồ dùng trong phòng, giấy các sở công tư Còn như các thứ sách tây, sách quốc-ngữ, sách học, sách truyện, sách văn thơi bao giờ cũng sẵn và nhiều.

新民書館

TÂN-DÂN THƯ'-QUÁN

29, Phố Hàng Bông Đệm, **HANOI.**

MỚI XUẤT-BẢN

Thù chồng nợ nước . .	0$12
Nghĩa nặng tình sâu . .	0.12
Vỏ quýt dầy móng tay nhọn.	0 15

Đang in

Luận quốc-văn (dạy đủ các lối)
Problèmes du Certificat d'Etudes.
Résumés de Leçons de choses.
Truyện cổ-tích thứ hai
Thuyền tình bể ái.
Tục thuyền tình bể ái.
Chiếc bóng song the
Vợ tôi.
Phi-châu yên thủy sầu-thành-lục

ĐÃ CÓ BÁN

SÁCH HỌC

40 bài quốc-sử	0$40
200 bài tính-đố	0 30
Sơ-học yếu-lược toàn-thư .	0.40
Quốc-văn độc-bản . . .	0.40
Sách dạy làm văn . . .	0 20

TIỂU-THUYẾT

Anh-hùng-náo	1$25
Tục anh-hùng náo . . .	1 10
Tái sinh duyên	1 80
Tục tái sinh duyên . . .	1 80
Lục-mẫu-đơn	1 00

Các sách đang in khi nào xuất-bản sẽ có đăng báo

NGUYÊN-NGOC-UYÊN

Constructions et Réparations mécaniques

FABRICATION DE LA PEINTURE ET DE L'HUILE

BUREAU ET ATELIERS

71, Rue Jean Dupuis — Hanoi, — Téléphone N° 605

NHÀ MÁY MỚI MỞ

Kính trình các ngài biết cho tôi mới mở nhà máy ở phố Mới, số nhà 71 Hà-nội, có chế-tạo các thứ máy như là : Máy-in, Giao sén-giấy, máy Dẫn-thủy-nhập-điền, máy luyện-đất, máy đóng các thứ gạch mộc, máy ép gạch si-mo, làm các kiểu khuôn-gạch và khuôn-ngói, các thứ máy xưởng tôi chế tạo ra đây đều có thể dùng nhân-lực làm, rất giản tiện đỡ nhân-công và giá lại rẻ, để tiện dụng cho người Đồng-bang.

Làm cả tủ sắt, giường Hồng-kông, và chế-tạo các thứ Sơn-tây và nấu giầu, đều dùng máy làm công việc thực nhanh.

Tôi có đủ các tay thợ làm máy chuyên-môn, chữa xe ô-tô và các thứ máy chạy ét-săng.

Tôi có đúc gang và đúc đồng với đúc aluminium, nhận đúc các kiểu to nhỏ.

Xin mời các ngài chiếu cố cho, tôi xin tính giá phải chang.

CHỦ NHÂN **Nguyên Ngọc Uyên.**

Kính cáo.

LỆ ĐĂNG QUẢNG-CÁO

Bản-chí mỗi kỳ in ra từ 1500 quyển đến 3000 quyển, giá đăng quảng-cáo bằng gấy mùi, tính như sau này:

Một tờ (hai trang mỗi kỳ.	**14$00**
Một trang	**8,00**
Nửa trang.	**4,50**
Góc trang . , ...	**3,00**

Ngài nào đăng cả năm, cứ theo giá trên này, tính trừ 30 o/o ; nửa năm, 20 o/o ba tháng, 10 o o.

AN-NAM TẠP-CHÍ

LỆ NHẬN BÁN LẺ

Các hiệu sách ở các tỉnh, hiệu nào nhận bán lẻ cho Bản-chí, xin tính tiền hoa-hồng 10%. Cứ mỗi cuối tháng tây, gửi giả mandat và những quyển tạp-chí còn lại. Bản-quán lại gửi theo những số về tháng sau.

Các cước-phí khứ hồi, về Bản-quán nhận chịu.

An-nam Tạp-chí

